

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



ÂU ĐÌNH HOÀI PHƯƠNG

**TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ
THÀNH PHỐ CAO BẰNG**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ**

HÀ NỘI – 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



ÂU ĐÌNH HOÀI PHƯƠNG

**TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ
THÀNH PHỐ CAO BẰNG**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ**

MÃ SỐ: 8310110

**Người hướng dẫn khoa học 1: PGS.TS. Tạ Văn Lợi
Người hướng dẫn khoa học 2: PGS. TS. Đỗ Hương Lan**

HÀ NỘI – 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi đã đọc và hiểu về các hành vi vi phạm sự trung thực trong học thuật. Tôi cam kết bằng danh dự cá nhân rằng nghiên cứu này do tôi tự thực hiện và không vi phạm yêu cầu về sự trung thực trong học thuật.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Học viên

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Phuong', written in a cursive style.

Âu Đình Hoài Phương

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình hoàn thành đề án, tôi đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ tận tình của các thầy cô và bạn bè cùng trang lứa cùng đồng nghiệp tại cơ quan.

Tôi xin được bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới PGS.TS Tạ Văn Lợi và PGS.TS Đỗ Lan Hương – những người giảng viên tận tâm, đã trực tiếp hướng dẫn tôi thực hiện đề án.

Tôi chân thành cảm ơn các thầy cô trong Viện Thương mại và kinh tế quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân về những ý kiến đóng góp thẳng thắn, sâu sắc và giúp đỡ tận tình để tôi hoàn thành đề án này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới toàn thể lãnh đạo, công chức, đồng nghiệp thuộc Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã cung cấp thông tin phục vụ cho việc phân tích cũng như những lời góp ý để tôi hoàn thành bài đề án.

Do thời gian có hạn nên đề án khó tránh khỏi những thiếu sót, tôi rất mong nhận được góp ý từ các thầy cô, các nhà khoa học và các bạn.

Một lần nữa, tôi xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC BẢNG	vii
DANH MỤC HÌNH	viii
TÓM TẮT ĐỀ ÁN.....	ix
MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề án.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Kết cấu của đề án.....	3
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ THUẾ CẤP HUYỆN	4
1.1. Những vấn đề cơ bản về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại cơ quan quản lý thuế cấp huyện	4
1.1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp	4
1.1.2. Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.....	5
1.1.3. Nguyên tắc và phân cấp bộ máy của quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.....	6
1.2. Nội dung quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại cơ quan quản lý thuế cấp huyện.....	8
1.2.1. Tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế	8
1.2.2. Quản lý việc khai thuế, nộp thuế	8
1.2.3. Kiểm tra thuế	9
1.2.4. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.....	9
1.3. Chỉ tiêu đánh giá quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	10
1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	11

1.4.1. Nhân tố đến từ cơ quan thuế.....	11
1.4.2. Các nhân tố bên ngoài cơ quan thuế.....	12
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CAO BẰNG.....	13
2.1. Khái quát về Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.....	13
2.1.1. Giới thiệu Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	13
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.....	13
2.1.3. Khái quát tình hình các doanh nghiệp do Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng quản lý	16
2.1.4. Kết quả thu thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	19
2.1.5. Kết quả thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.....	21
2.2. Phân tích thực trạng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.....	22
2.2.1. Thực trạng về áp dụng nguyên tắc và bộ máy quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	22
2.2.2. Thực trạng áp dụng nội dung quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	24
2.3. Đánh giá hoạt động quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.....	39
2.3.1. Ưu điểm	39
2.3.2. Hạn chế.....	40
2.3.3. Nguyên nhân hạn chế	42
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CAO BẰNG	44
3.1. Định hướng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng trong giai đoạn 2025 – 2030	44
3.1.1. Mục tiêu quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.....	44
3.1.2. Định hướng tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	45

3.2. Giải pháp tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	45
3.2.1. Hoàn thiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT	45
3.2.2. Tăng cường quản lý kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.....	47
3.2.3. Tăng cường kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	49
3.2.4. Tăng cường quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế	51
3.2.5. Các giải pháp khác.....	53
3.3. Kiến nghị	54
3.3.1. Đối với Cơ quan Thuế quản lý	54
3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính, Chính phủ, Quốc hội	55
KẾT LUẬN	56
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	x
PHỤ LỤC 1	xii

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải nghĩa
HSKT	Hồ sơ khai thuế
NSNN	Ngân sách Nhà nước
NNT	Người nộp thuế
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2. 1. Cơ cấu nhân lực Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.....	14
Bảng 2. 2. Cơ cấu loại hình doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cao Bằng.....	16
Bảng 2. 3. Kết quả thu NSNN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn năm 2021-2023.....	19
Bảng 2. 4. Kết quả công tác tuyên truyền – hỗ trợ NNT thu nhập doanh nghiệp trong giai đoạn năm 2021 – 2023 tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.....	25
Bảng 2. 5. Đánh giá của doanh nghiệp về thực trạng tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế TNDN.....	26
Bảng 2. 6. Đánh giá tình hình nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2023.....	29
Bảng 2. 7. Đánh giá của doanh nghiệp về thực trạng quản lý việc khai thuế, nộp thuế TNDN.....	31
Bảng 2. 8: Tình hình truy thu thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021-2023.....	34
Bảng 2. 9. Đánh giá của doanh nghiệp về thực trạng kiểm tra thuế TNDN.....	35
Bảng 2. 10. Kết quả quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn năm 2021 – 2023.....	36
Bảng 2. 11. Tình hình nợ đọng, nợ khó thu tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn năm 2021-2023.....	37
Bảng 2. 12. Đánh giá của doanh nghiệp về thực trạng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN.....	38

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Phân cấp bộ máy quản lý thuế TNDN ở Việt Nam.....	7
Hình 2. 1 Cơ cấu bộ máy Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	14
Hình 2. 2. Cơ cấu doanh nghiệp theo ngành nghề năm 2023.....	17
Hình 2. 3. Doanh thu tính thuế TNDN của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2023.....	19
Hình 2. 4. Kết quả thu thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng năm 2021-2023	21
Hình 2. 5. Quy trình quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	23
Hình 2. 6. Tình hình thực hiện kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng năm 2021 – 2023	33
Hình 2. 7. Kết quả kiểm tra của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021-2023	34

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

Tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn thu NSNN, nâng cao tính minh bạch và công bằng trong hoạt động kinh doanh, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương. Mục tiêu của nghiên cứu là đề xuất giải pháp tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đến năm 2030. Phương pháp nghiên cứu sử dụng bao gồm thu thập dữ liệu thứ cấp từ báo cáo, văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến cơ sở lý thuyết về quản lý thuế TNDN và tăng cường quản lý thuế TNDN tại cơ quan thuế. Báo cáo tổng kết hoạt động tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng năm 2021 – 2023. Báo cáo nội bộ về số lượng doanh nghiệp đang hoạt động, tình hình nợ thuế, tình hình kiểm tra thuế,... năm 2021 – 2023. Các phương pháp phân tích bao gồm phương pháp tổng hợp, mô hình hóa, thống kê mô tả, phân tích so sánh, và tổng hợp dữ liệu.

Đề án gồm ba nội dung chính: cơ sở lý thuyết, thực trạng, và giải pháp. Phần cơ sở lý thuyết làm sáng tỏ được các vấn đề lý luận về quản lý thuế TNDN, cùng với các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản lý thuế TNDN tại cơ quan thuế cấp huyện. Phần thực trạng vận dụng cơ sở lý thuyết phân tích được thực trạng quản lý thuế TNDN và đánh giá các kết quả đạt được trong việc quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2023. Từ đó nêu lên những khó khăn, tồn tại đồng thời chỉ rõ nguyên nhân của những khó khăn đó. Trên cơ sở phân tích thực trạng và nhân tố ảnh hưởng, tác giả đã đề xuất được một số giải pháp tăng cường quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng trong thời gian tới.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu ngày càng phức tạp và cạnh tranh, việc quản lý thuế hiệu quả sẽ giúp tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, thu hút đầu tư và phát triển bền vững. Đến năm 2030, việc hoàn thiện các giải pháp này sẽ góp phần xây dựng một hệ thống thuế hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, hỗ trợ sự phát triển toàn diện của thành phố Cao Bằng. Kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở tham khảo cho các Chi cục Thuế trong việc quản lý thuế TNDN nhằm góp phần giảm thiểu tình trạng thất thu thuế, gian lận thuế.

Từ khóa: thuế thu nhập doanh nghiệp, tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng ...

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

NSNN là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Thu NSNN bao gồm các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí; các khoản thu từ hoạt động kinh tế của nhà nước; đóng góp của các tổ chức và cá nhân; viện trợ; và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm cả các khoản vay để bù đắp bội chi. Trong số các nguồn thu của NSNN, thuế đóng vai trò quan trọng, giúp nhà nước có nguồn vốn để đầu tư vào các lĩnh vực quan trọng và duy trì các dự án, dịch vụ công cộng như giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng, và các chương trình xã hội. Bên cạnh đó, thuế cũng là một công cụ để điều tiết nền kinh tế và phân phối lại thu nhập của xã hội, đảm bảo công bằng xã hội. Hiện nay, ở Việt Nam, thuế chia thành 2 nhóm chính là thuế trực thu và thuế gián thu, với các loại thuế phổ biến như: Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập cá nhân, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tài nguyên,... Trong đó, đóng vai trò lớn và là một trong những nguồn thu chính của NSNN phải kể đến đó là thuế TNDN. Đây là nguồn thu ổn định và quan trọng của NSNN, đồng thời là công cụ quan trọng để phân phối thu nhập, khuyến khích và thúc đẩy đầu tư toàn diện. Quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng là một trong những nội dung của quản lý nhà nước về kinh tế, là một nhánh quan trọng của quản lý tài chính công. Việc quản lý thuế TNDN cần được nhìn nhận từ nhiều góc độ khác nhau, và tập trung vào mục tiêu cơ bản là tăng cường tập trung, huy động đầy đủ, kịp thời số thu cho NSNN trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu, góp phần tăng cường ý thức tự giác chấp hành của NNT.

Trong những năm vừa qua, cùng với tiến trình cải cách hệ thống thuế nhà nước thông qua chính sách thuế, áp dụng công nghệ thông tin hay chuyển đổi số, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã không ngừng nỗ lực trong việc thực hiện tốt các nội dung quản lý thuế, đem lại nhiều thành tựu đáng ghi nhận như thu thuế từng bước được cải cách, hiện đại hoá thông qua việc kê khai thuế điện tử, trình độ chuyên môn của cán bộ thuế ngày càng được nâng cao. Số thu NSNN tăng qua từng năm, số thu thuế TNDN cũng không ngoại lệ, tuy nhiên tỉ lệ tăng số thuế TNDN thu được còn thấp, chưa tương xứng với số lượng doanh nghiệp đang quản lý, cũng như tiềm năng phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn. Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức về thuế của một bộ phận doanh nghiệp còn hạn chế, chưa nắm vững đc các nội dung cơ bản của chính sách, pháp luật về thuế, một bộ phận kế toán doanh nghiệp vẫn làm việc theo lối mòn, “ngại”

thay đổi, “ngại” cập nhật những chính sách mới. Bên cạnh đó, quản lý thuế còn tồn tại những mặt hạn chế, chưa theo kịp tình hình thực tiễn.

Xuất phát từ thực trạng cũng như từ sự cần thiết khách quan của việc tăng cường quản lý thuế TNDN trên địa bàn tỉnh và địa bàn thành phố, tôi đã chọn nghiên cứu và đi sâu hơn vào đề án “*Tăng cường quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng*”

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề án

2.1. Mục tiêu nghiên cứu của đề án

Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý thuế TNDN, từ đó đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đến năm 2030

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề án

Để đạt được mục tiêu đã đặt ra, đề án phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về quản lý thuế TNDN của cơ quan quản lý thuế.
- Phân tích thực trạng quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021- 2023.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề án là quản lý thuế TNDN tại cơ quan quản lý thuế.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Tập trung nghiên cứu quản lý thuế TNDN tiếp cận theo quy trình quản lý thuế
- Phạm vi không gian: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, thành phố Cao Bằng.
- Phạm vi thời gian: Từ năm 2021 đến năm 2023.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

* Dữ liệu thứ cấp: Thu thập báo cáo, văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến cơ sở lý thuyết về quản lý thuế TNDN và tăng cường quản lý thuế TNDN tại cơ quan thuế. Báo cáo tổng kết hoạt động tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng năm 2021 – 2023.

Báo cáo nội bộ về số lượng doanh nghiệp đang hoạt động, tình hình nợ thuế, tình hình kiểm tra thuế,... năm 2021 – 2023

* Dữ liệu sơ cấp:

Thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua khảo sát bằng bảng hỏi nhằm khảo sát đánh giá của các đối tượng khảo sát về tình hình quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng trong giai đoạn 2021-2023 theo câu hỏi ở phụ lục 1.

Đối tượng khảo sát là tổng 207 đại diện các doanh nghiệp thuộc sự quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng trong giai đoạn 2021-2023. Tổng số lượng phiếu phát ra là 207 phiếu, thu về 207 phiếu, tỷ lệ 100%.

Hình thức phát, thu phiếu là thông qua gmail. Thời gian thực hiện khảo sát là tháng tháng 4-5/2024

Nội dung khảo sát tập trung vào đánh giá là quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng trong giai đoạn 2021-2023.

Các câu trả lời sử dụng thang đo likert 5 bậc thể hiện ở 5 mức độ: 1 - Rất không đồng ý, 2 - Không đồng ý, 3 - Bình thường trung lập, 4 - Đồng ý, 5 - Rất đồng ý.

Tác giả tính toán mức điểm trung bình để xem xét các tiêu chí nào bị đánh giá thấp để có những giải pháp phù hợp.

4.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Phương pháp phân tích dữ liệu: sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu, thống kê phân tích, thống kê mô tả,...

5. Kết cấu của đề án

Đề án ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh sách các bảng, hình có kết cấu bao gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại cơ quan quản lý thuế cấp huyện

Chương 2. Thực trạng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Chương 3. Định hướng và giải pháp tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ THUẾ CẤP HUYỆN

1.1. Những vấn đề cơ bản về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại cơ quan quản lý thuế cấp huyện

1.1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm

Hiện nay, chưa có văn bản pháp luật được ban hành quy định chính xác về khái niệm thuế TNDN nên thuế TNDN vẫn là một khái niệm trừu tượng. Tuy nhiên, trên cơ sở pháp lý và các văn bản pháp luật quy định về thuế TNDN, PSG. TS Nguyễn Thị Liên và các cộng sự trong cuốn Giáo trình nghiệp vụ Thuế (2008) đã đưa ra khái niệm về thuế TNDN như sau: “Thuế TNDN là sắc thuế tính trên thu nhập chịu thuế của các doanh nghiệp trong kỳ tính thuế”

Trên thế giới, tùy theo quan niệm khác nhau hoặc quy định pháp luật của mỗi quốc gia, thuế TNDN có các tên gọi khác nhau như thuế thu nhập công ty, thuế lợi tức công ty. Tuy nhiên, về bản chất, thuế TNDN là loại thuế trực thu đánh vào phần thu nhập sau khi đã trừ đi các khoản chi phí hợp lý, hợp pháp liên quan đến thuế thu nhập của đối tượng chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động kinh doanh, sản xuất hàng hóa, dịch vụ và các nguồn thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

1.1.1.2. Đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp

Với cách hiểu như trên, thuế TNDN có các đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, thuế TNDN là thuế trực thu, điều tiết trực tiếp vào thu nhập của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, các nhà đầu tư

Thứ hai, thuế TNDN thường sử dụng một mức thuế suất phổ thông. Trong một số trường hợp đặc biệt áp dụng đối với các nhóm đối tượng hoặc một số loại thu nhập khác nhau, sắc thuế này áp dụng một số mức thuế suất khác mức thuế suất phổ thông nhằm đạt được mục tiêu kinh tế - xã hội nhất định. Bên cạnh đó, ở Việt Nam đối với các lĩnh vực ưu đãi đầu tư, mức thuế suất thuế TNDN được áp dụng thấp hơn mức thuế suất phổ thông.

Thứ ba, thuế TNDN đánh vào thu nhập của mỗi tổ chức kinh tế và thường được coi như một sắc thuế đánh vào vốn.

Thứ tư, thuế TNDN phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của NNT

1.1.1.3. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN có những vai trò cơ bản như sau:

- Thuế TNDN có vai trò quan trọng trong khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và lãnh thổ thông qua các quy định về ưu đãi thuế, các yếu tố kỹ thuật trong tính thuế, quản lý thuế.

- Thuế TNDN là công cụ quan trọng và hiệu quả trong việc bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của chính phủ.

- Thuế TNDN thu trên thu nhập của doanh nghiệp sau khi đã trừ đi những chi phí để tạo ra thu nhập trong mỗi kỳ tính thuế, số thuế cao hay thấp tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, việc tính thuế cần dựa vào các chuẩn mực kế toán, gắn với các quy chế quản lý tài chính của mỗi doanh nghiệp,... Mặt khác việc đánh thuế TNDN nhằm từng bước thu hẹp sự phân biệt giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp tư nhân, đảm bảo trong SXKD phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.

Vì vậy, thuế TNDN có ý nghĩa như một công cụ giúp doanh nghiệp tăng cường công tác quản lý nội bộ cũng như xác định chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ.

1.1.2. Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Tổng cục thuế (2020), Quản lý thuế là một lĩnh vực quản lý chuyên ngành thuộc quản lý hành chính nhà nước, là việc tổ chức thực thi pháp luật thuế của nhà nước, tức là quản lý thuế được hiểu là hoạt động tác động và điều hành của nhà nước đối với hoạt động thực hiện nghĩa vụ thuế (kê khai, tính thuế và nộp thuế) của NNT.

Từ khái niệm quản lý thuế, ta có thể hiểu: quản lý thuế TNDN là quá trình Nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ và phương pháp thích hợp trong hoạt động quản lý tài chính, quản lý nhà nước tác động lên lĩnh vực thuế TNDN, làm cho chúng vận động phù hợp với mục tiêu đặt ra.

1.1.2.2. Mục tiêu quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Mục tiêu của quản lý thuế TNDN gồm những mục tiêu cơ bản như sau:

- Tập trung, huy động đầy đủ kịp thời số thu cho NSNN trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu

- Tối thiểu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý thuế

- Phát huy tối đa vai trò của thuế trong nền kinh tế
- Tăng cường ý thức chấp hành pháp luật cho NNT

1.1.3. Nguyên tắc và phân cấp bộ máy của quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.3.1. Nguyên tắc của quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật thuế TNDN 2020, để hoạt động quản lý thuế nói chung hay quản lý thuế TNDN nói riêng đạt hiệu quả, thì các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý thuế phải tuân thủ theo những nguyên tắc nhất định như sau:

Tuân thủ pháp luật. Nguyên tắc này, chi phối hoạt động của các bên trong quan hệ quản lý thuế bao gồm cả NNT và cơ quan nhà nước. Mọi hoạt động liên quan đến quản lý thuế phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật thuế.

Đảm bảo tính hiệu quả, quản lý thuế phải được tổ chức sao cho có hiệu quả cao nhất trong việc thu thuế, giảm thiểu chi phí hành chính và tránh lãng phí nguồn lực.

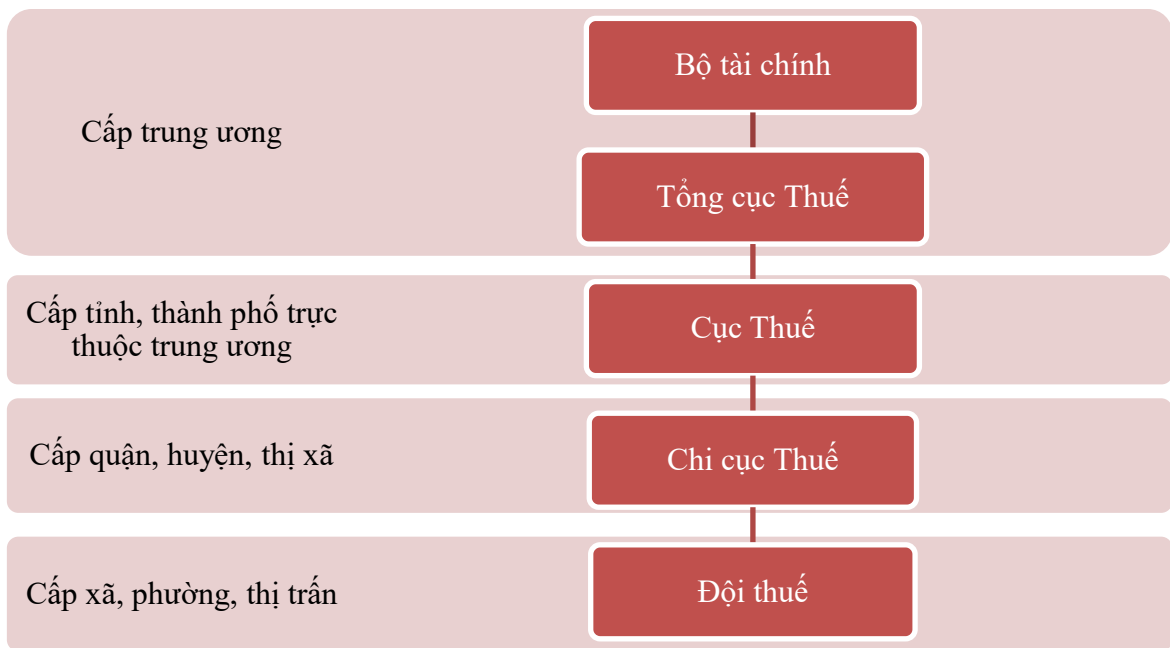
Đảm bảo tính công bằng giữa NNT. Mọi NNT đều được đối xử công bằng, không phân biệt quy mô hay loại hình doanh nghiệp

Thúc đẩy ý thức tự tuân thủ của NNT. Trong điều kiện quản lý thuế hiện đại, nhà nước luôn tạo điều kiện cho NNT chủ động lựa chọn cách thức kê khai và nộp thuế phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình, tôn trọng tính tự giác của NNT.

Công khai, minh bạch. Công khai ở đây có nghĩa là, mọi quy định về quản lý thuế bao gồm pháp luật thuế, các quy trình, thủ tục liên quan đến quản lý thuế phải được công khai cho NNT được biết. Minh bạch thì đòi hỏi các quy định về quản lý thuế phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, không sử dụng những từ ngữ đa nghĩa.

1.1.3.2. Phân cấp bộ máy của quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Bộ máy quản lý thuế là tổng thể các cơ quan hành chính có quan hệ hữu cơ với nhau trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quan hệ công tác được quy định để tổ chức thực thi các luật thuế, nhằm điều hành toàn bộ quá trình điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư vào NSNN thông qua thuế. Phân cấp bộ máy quản lý thuế TNDN là một phần quan trọng của hệ thống thuế và tài chính, nhằm đảm bảo sự công bằng và hiệu quả trong việc thu thuế từ các doanh nghiệp. Phân cấp bộ máy quản lý thuế TNDN tuân theo phân cấp bộ máy quản lý thuế và bám sát vào bộ máy quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương, theo hình 1.1, như sau:



Hình 1. 1. Phân cấp bộ máy quản lý thuế TNDN ở Việt Nam

Nguồn: Luật Quản lý Thuế 2019

- Bộ Tài chính là cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm quản lý tài chính, ngân sách và thuế quốc gia, bao gồm cả thuế TNDN. Bộ tài chính xây dựng chính sách thuế, luật thuế và các quy định liên quan đến thuế.

- Tổng cục Thuế là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hệ thống thuế quốc gia. Tổng cục Thuế có nhiệm vụ triển khai các chính sách thuế, hướng dẫn các cơ quan thuế cấp dưới, đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế cho NSNN và chịu trách nhiệm trước cấp trên về hoạt động của hệ thống thuế quốc gia.

- Cục Thuế được đặt tại các tỉnh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cục Thuế chịu trách nhiệm quản lý thuế trên địa bàn mình phụ trách. Cục Thuế hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các Chi cục Thuế tại quận, huyện, thị xã và chịu trách nhiệm trước cấp trên về hoạt động của mình.

- Chi cục Thuế được đặt tại các quận, huyện, thị xã và các đơn vị hành chính tương đương, Chi cục Thuế trực tiếp quản lý và thu thuế từ các doanh nghiệp, tổ chức và hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn, bên cạnh đó, Chi cục Thuế chịu trách nhiệm trước Cục Thuế về hoạt động quản lý thuế của mình.

- Đội Thuế là đơn vị trực thuộc Chi cục Thuế, thường được đặt tại các khu vực nhỏ hơn như xã, phường, thị trấn hoặc đặt tại Chi cục Thuế. Đội Thuế trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thu thuế từ các doanh nghiệp, tổ chức và hộ, cá nhân

kinh doanh trên địa bàn. Đội Thuế phải chịu trách nhiệm trước ban lãnh đạo Chi cục Thuế về hiệu quả hoạt động của mình

- Bên cạnh những đơn vị hành chính nêu trên, trong bộ máy quản lý thuế còn tồn tại các phòng, ban thuộc Cục Thuế, các vụ thuộc Tổng cục Thuế thực hiện các chức năng nhiệm vụ quản lý thuế.

1.2. Nội dung quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại cơ quan quản lý thuế cấp huyện

1.2.1. Tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT được thực hiện theo quyết định số 745/QĐ- chi cục thuế, ngày 20 tháng 4 năm 2015 Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Mục đích là thống nhất, chuẩn hóa về nguyên tắc, nội dung, trình tự thực hiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác của cơ quan thuế và hướng dẫn, hỗ trợ NNT thực hiện quyền và nghĩa vụ về thuế đồng thời đảm bảo phân định rõ để thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT tại cơ quan thuế các cấp.

Công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT là công tác góp phần quan trọng trong kết quả triển khai chương trình cải cách và hiện đại hoá của ngành Thuế cũng như trong quản lý thu thuế TNDN của CQT. Công tác tuyên truyền và hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế được triển khai dưới nhiều hình thức bao gồm: tuyên truyền thông qua hệ thống phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền hình; qua hội nghị phổ biến, tập huấn, đối thoại với NNT. Theo đó các giải pháp cụ thể được triển khai là thường xuyên phối hợp với các cơ quan báo chí để tuyên truyền phản ánh kịp thời các chính sách thuế và ngày càng được nâng cao về chất lượng tư vấn. Bên cạnh đó, nhiều hình thức hỗ trợ khác đã được triển khai như: Hỗ trợ qua tổng đài trả lời tự động (801.888); hệ thống ki ốt điện tử hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế khai thác thông tin về thuế; hỗ trợ trực tiếp tại doanh nghiệp

1.2.2. Quản lý việc khai thuế, nộp thuế

Công tác quản lý khai thuế, nộp thuế TNDN được đánh giá bằng việc các doanh nghiệp nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế đầy đủ, đúng hạn vào NSNN, không có nợ đọng thuế. Cụ thể các công việc như sau:

- Đối với việc xử lý khai thuế: Hồ sơ khai thuế, thông báo ấn định thuế phải được lưu trữ và được kiểm tra, đối chiếu thường xuyên với quá trình nộp thuế, quyết toán thuế

của các doanh nghiệp. Đây là các căn cứ để xem xét các trường hợp nộp chậm, nộp thiếu, đây dựa trên thuế và căn cứ để xử lý các trường hợp nói trên.

- Đối với việc theo dõi, kế toán số thuế đã nộp của doanh nghiệp: Việc quản lý, xử lý chứng từ nộp thuế của CQT cần phải thực hiện cụ thể, chi tiết, phát hiện các trường hợp nộp chậm, đây dựa trên thuế để có biện pháp đôn đốc, xử lý thích hợp.

1.2.3. Kiểm tra thuế

Công tác kiểm tra thuế được thực hiện theo quy trình Kiểm tra thuế ban hành kèm theo quyết định số 1215/QĐ-TCT ngày 20/9/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra xây dựng từ đầu năm, chậm nhất là 25 ngày sau khi hết hạn nộp HSKT, cán bộ thuế có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ các loại HSKT để đánh giá rủi ro, nhận diện sai phạm và đưa ra các biện pháp xử lý như yêu cầu NNT kê khai bổ sung HSKT hoặc đề xuất lãnh đạo kiểm tra tại trụ sở NNT.

Kiểm tra thuế được thực hiện nhằm mục đích tăng cường công tác kiểm tra thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế trên cơ sở áp dụng cơ chế quản lý rủi ro nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những vi phạm về thuế, chống thất thu thuế; Nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế trong việc thực hiện kê khai thuế, tính thuế và nộp thuế; Thực hiện cải cách hành chính trong việc kiểm tra thuế, từ đó tránh gây phiền nhiễu và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

1.2.4. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Công tác quản lý nợ thuế được ban hành kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/7/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Đối với việc xử lý nợ đọng thuế, CQT phải theo dõi và nắm bắt được tình trạng nợ đọng thuế của các doanh nghiệp. Đối với các trường hợp phải cưỡng chế nợ thuế, CQT cần phân loại, xác định các biện pháp cưỡng chế đúng tuần tự, đúng quy định.

Các biện pháp quản lý nợ như: Ban hành thông báo nợ số 01/TTN, gọi điện thoại, gửi email thông báo nợ, công khai thông tin NNT nợ thuế, xem xét gia hạn nộp thuế, miễn tiền chậm nộp, không tính tiền chậm nộp, xử lý tiền thuế đang chờ điều chỉnh.....

Các hình thức tiến hành cưỡng chế nợ thuế: Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng; yêu cầu phong tỏa tài khoản; Cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu

nhập; Cường chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng; Cường chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên; Cường chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản của đối tượng bị cường chế do tổ chức, cá nhân khác nắm giữ; Cường chế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động; giấy phép hành nghề.

1.3. Chỉ tiêu đánh giá quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 688/QĐ-TCT ngày 22/4/2013 của Tổng cục Thuế về việc ban hành hệ thống chỉ số đánh giá hoạt động quản lý thuế, để đánh giá hoạt động quản lý thu thuế TNDN, cũng bám sát vào chỉ số đánh giá hoạt động quản lý thuế, tuy nhiên, để phù hợp hơn với đề tài nghiên cứu về quản lý thuế TNDN, thì có thể đánh giá hoạt động quản lý thuế TNDN theo bộ chỉ tiêu sau.

1.1.4.1. Chỉ số tuân thủ của NNT

- Tỷ lệ tờ khai thuế nộp đúng hạn

$$\text{Tỷ lệ tờ khai thuế nộp đúng hạn} = \frac{\text{Số tờ khai thuế nộp đúng hạn}}{\text{Số tờ khai thuế đã nộp}} \times 100\%$$

- Tỷ lệ tờ khai thuế không có lỗi số học

$$\text{Tỷ lệ tờ khai thuế không có lỗi số học} = \frac{\text{Số tờ khai thuế không có lỗi số học}}{\text{Số tờ khai thuế đã nộp}} \times 100\%$$

1.1.4.2. Chỉ số tuyên truyền hỗ trợ

- Số bài viết tuyên truyền trên các thông tin đại chúng
- Số lượt NNT được giải đáp thắc mắc trên số cán bộ của bộ phận tuyên truyền hỗ trợ

trợ

$$\frac{\text{Số lượt NNT được giải đáp thắc mắc trên số cán bộ của bộ phận tuyên truyền hỗ trợ}}{\text{Số cán bộ của bộ phận tuyên truyền hỗ trợ}} = \frac{\text{Số lượt NNT đã phục vụ}}{\text{Số cán bộ của bộ phận tuyên truyền hỗ trợ}}$$

1.1.4.3. Chỉ số thanh tra, kiểm tra

- Tỷ lệ doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra

$$\text{Tỷ lệ DN đã thanh tra, kiểm tra} = \frac{\text{Số DN đã thanh tra, kiểm tra trong năm}}{\text{Số doanh nghiệp đang hoạt động}} \times 100\%$$

- Tỷ lệ doanh nghiệp phát hiện có sai phạm

$$\text{Tỷ lệ DN phát hiện có sai phạm} = \frac{\text{Số DN thanh tra, kiểm tra phát hiện sai phạm}}{\text{Số DN đã thanh tra, kiểm tra trong năm}} \times 100\%$$

- Số truy thu thuế bình quân

$$\text{Số truy thu thuế bình quân 1 vụ} = \frac{\text{Tổng số truy thu sau thanh tra, kiểm tra}}{\text{Số DN đã thanh tra, kiểm tra trong năm}}$$

- Tỷ lệ số thuế truy thu sau thanh tra, kiểm tra trên tổng thu nội địa do ngành thuế quản lý

$$\text{Tỷ lệ số thuế truy thu sau thanh tra, kiểm tra} = \frac{\text{Tổng số thuế truy thu sau thanh tra, kiểm tra}}{\text{Tổng thu nội địa do ngành thuế quản lý}} \times 100\%$$

1.1.4.4. Chỉ số quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

- Tỷ lệ tiền nợ thuế với số thực hiện thu của ngành thuế

$$\text{Tỷ lệ tiền nợ thuế với số thực hiện thu của ngành thuế} = \frac{\text{Số tiền nợ thuế tại thời điểm 31/12/năm đánh giá}}{\text{Tổng thu nội địa do ngành thuế quản lý}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu để so sánh tốc độ tăng trưởng hay sự thay đổi của năm thực hiện so với năm trước, bằng cách so sánh theo công thức:

$$\text{Tốc độ tăng trưởng của một loại chỉ tiêu} = \frac{\text{Số thực hiện kỳ hiện tại} - \text{Số thực hiện kỳ trước}}{\text{Số thực hiện kỳ trước}} \times 100\%$$

1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4.1. Nhân tố đến từ cơ quan thuế

Một là, hệ thống chính sách thuế, pháp luật thuế. Khi các quy định pháp luật thuế rõ ràng, minh bạch, và dễ hiểu, doanh nghiệp sẽ dễ dàng tuân thủ và áp dụng đúng các quy định. Một hệ thống thuế ổn định tạo điều kiện cho doanh nghiệp lập kế hoạch tài chính dài hạn, đồng thời giúp CQT dễ dàng giám sát và thu thuế. Các quy trình quản lý thuế nên được cập nhật để phù hợp với sự thay đổi của luật, nghị định, thông tư.

Hai là, tổ chức bộ máy và nhân sự của CQT. CQT cần đảm bảo có một cơ cấu tổ chức hợp lý, nhân sự chuyên nghiệp và tận tâm, cùng với các chính sách và quy trình minh bạch để hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ và quản lý thuế hiệu quả.

Ba là, cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ của CQT. Cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển, điều kiện làm việc bảo đảm và hiện đại hoá sẽ làm giảm thiểu thời gian, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả quản lý thuế nói chung cũng như quản lý thuế TNDN nói riêng. Việc áp dụng công nghệ tin học vào quản lý đã giúp cho CQT quản lý chặt chẽ tình hình hoạt động SXKD và chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của NNT từ đó hạn chế được tình trạng gian lận trốn thuế.

1.4.2. Các nhân tố bên ngoài cơ quan thuế

Nhân tố đến từ người nộp thuế: Khi các doanh nghiệp kê khai đúng và nộp thuế đầy đủ, CQT sẽ tiết kiệm được nguồn lực dành cho công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, đồng thời có thể tập trung vào việc hỗ trợ và tư vấn cho các doanh nghiệp khác. Ngược lại, nếu có nhiều doanh nghiệp vi phạm, CQT sẽ phải tăng cường công tác kiểm tra, gây áp lực lớn lên nguồn lực và hiệu quả quản lý. Không những thế, việc doanh nghiệp áp dụng các công nghệ mới trong quản lý tài chính và kế toán cũng thúc đẩy CQT hiện đại hóa và nâng cao năng lực quản lý.

Môi trường kinh tế: khi nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, doanh nghiệp thường có lợi nhuận cao hơn, dẫn đến số thuế TNDN phải nộp tăng, từ đó giúp CQT dễ dàng đạt được mục tiêu thu ngân sách. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế bất ổn còn làm tăng nguy cơ gian lận thuế, buộc CQT phải tăng cường công tác kiểm tra và thanh tra.

Sự phối hợp trao đổi thông tin giữa các sở, ban, ngành và CQT trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động doanh nghiệp cũng giúp ngăn chặn các hành vi gian lận, trốn thuế, đảm bảo thu ngân sách và công bằng trong quản lý thuế.

Môi trường quốc tế: Tình hình quốc tế ảnh hưởng đến các dòng vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời tạo điều kiện cho các công ty đa quốc gia thực hiện chuyển giá nhằm giảm nghĩa vụ thuế. Để đối phó với tình trạng này, cơ quan thuế cần phát triển các công cụ phân tích và quy trình kiểm soát chặt chẽ nhằm ngăn ngừa tình trạng chuyển giá, gây thất thu thuế TNDN.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CAO BẰNG

2.1. Khái quát về Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

2.1.1. Giới thiệu Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đặt tại số 106, đường Hoàng Văn Thụ, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng thực hiện tổ chức bộ máy theo Quyết định số: 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ Tài chính về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố.

Một số Chức năng Chi cục thuế thành phố Cao Bằng:

- Chi cục thuế thành phố Cao Bằng có quyền yêu cầu những đối tượng nộp thuế, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết phục vụ cho công tác quản lý thu thuế trên địa bàn;

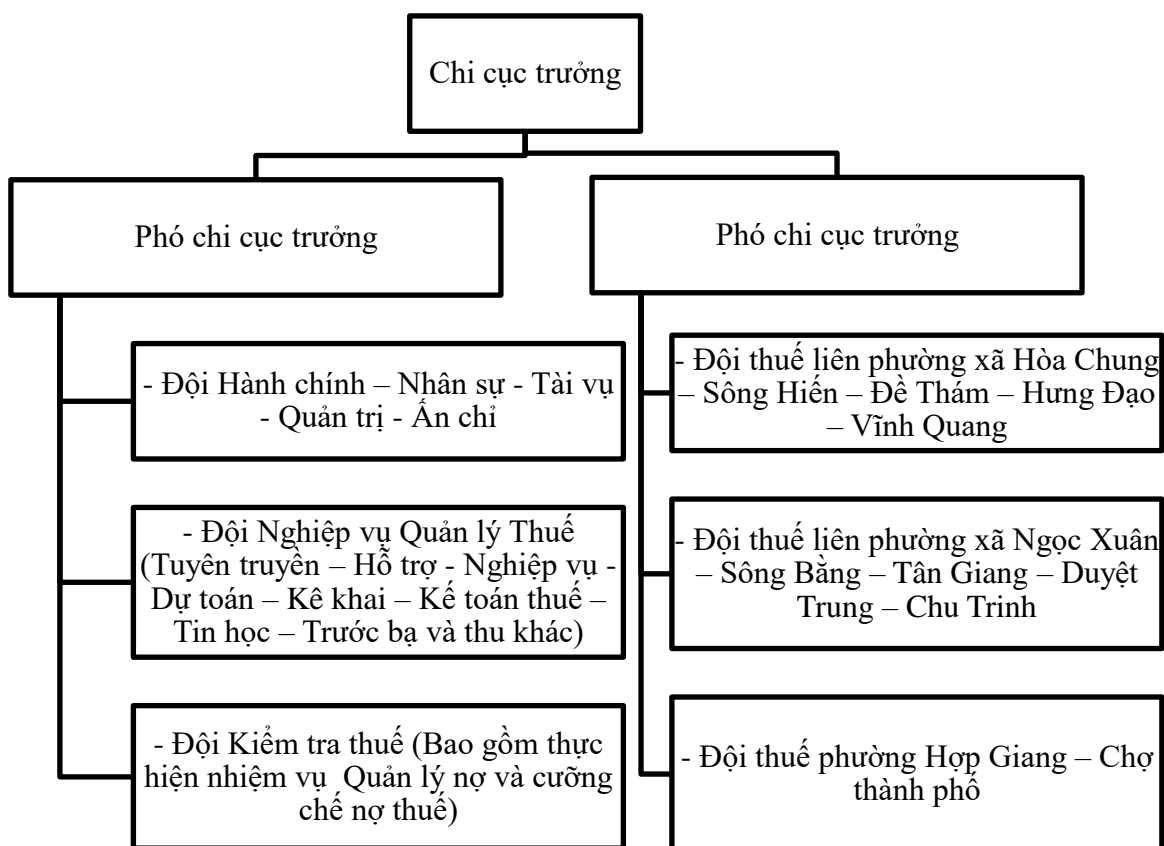
- Xử lý những vi phạm hành chính về thuế, lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan

- Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý những tổ chức, cá nhân không thực hiện trách nhiệm trong việc phối hợp với cơ quan thuế để thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

- Thực hiện việc quản lý bộ máy, biên chế, lao động; tổ chức việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công chức của Chi cục Thuế theo quy định của Nhà nước và theo phân cấp của Bộ Tài chính;...

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng thực hiện tổ chức bộ máy theo Quyết định số: 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ Tài chính về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố. Theo quyết định này, cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng bao gồm 03 đội chuyên môn tại trụ sở chi cục thuế và 03 đội thuế liên phường, xã đặt tại các xã phường trên địa bàn, cụ thể như hình sau:



Hình 2. 1 Cơ cấu bộ máy Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Các chi cục phó chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng về kết quả hoạt động của các đội được phân cấp quản lý. Chi cục trưởng sẽ chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Cao Bằng về kết quả hoạt động của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.

Bảng 2. 1. Cơ cấu nhân lực Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Đơn vị tính: người

TT	Nhân lực	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng nhân lực	66	68	69
2	Nhân lực theo bộ phận			
	Ban lãnh đạo	3	3	2
	Đội Hành chính – Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ	5	6	7
	Đội Nghiệp vụ Quản lý Thuế	9	13	15
	Đội Kiểm tra thuế	7	9	9
	Đội thuế liên phường xã	42	37	36
3	Nhân lực theo cấp độ đào tạo			

TT	Nhân lực	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
	Thạc sỹ	1	1	3
	Đại học	46	52	55
	Trung cấp, cao đẳng trở xuống	19	15	11
4	Đào tạo về chính trị			
	Cao cấp	0	1	1
	Trung cấp	2	3	3
	Sơ cấp trở xuống	64	64	65
5	Kinh nghiệm làm việc			
	Dưới 5 năm	9	10	12
	Từ 5 - dưới 10 năm	14	15	15
	Từ 10 năm trở lên	43	43	42

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Về cơ cấu, ban lãnh đạo Chi cục Thuế bao gồm 1 Chi cục trưởng và 2 Phó chi cục trưởng, tuy nhiên hiện tại, Chi cục Thuế đang khuyết 1 vị trí phó chi cục trưởng. Tổng số cán bộ của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng tính đến tháng 12/2023 là 69 người, trong đó có 65 cán bộ công chức và 04 người lao động. Về trình độ học vấn: Thạc sĩ 03 người chiếm 4,3%, trình độ đại học 55 người chiếm 79,7%; trình độ cao đẳng 05 người chiếm 7,2%, trình độ trung cấp chiếm 8,7%. Cụ thể tính đến thời điểm cuối năm 2023, chi cục có 04 công chức đang học thạc sĩ, 01 công chức học văn bằng 2 đại học. Dự tính đến hết năm 2024, trình độ học vấn của công chức chi cục thuế được nâng cao, cụ thể bổ sung thêm 04 thạc sĩ quản lý kinh tế.

Tuy vậy, nhìn chung bộ máy tổ chức nhân sự tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng hiện đang còn thiếu về số lượng, số công chức có trình độ thạc sĩ còn thấp. Bên cạnh đó, trình độ chuyên môn của các công chức thuộc chi cục chưa được đồng đều nhưng do phân cấp bộ máy Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng không có chức năng tổ chức thực hiện các khóa đào tạo, tập huấn cho cán bộ công chức trong chi cục. Tuy nhiên, đối với các khóa đào tạo, tập huấn của Cục Thuế tỉnh và Tổng cục Thuế, chi cục thuế luôn chú trọng cử cán bộ, công chức đang trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tham gia tập huấn đào tạo để không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nhiệm vụ. Ngoài ra, Chi cục còn thường xuyên, phổ biến và cập nhật các nâng cấp mới của hệ thống quản lý thuế đến cán bộ thuế kịp thời qua thư điện tử để các công chức có thể nắm bắt nhanh nhất các thay đổi của hệ thống, từ đó hoàn thành tốt nhất các công việc được giao.

2.1.3. Khái quát tình hình các doanh nghiệp do Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng quản lý

Người nộp thuế TNDN được quy định tại Điều 2, Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội.

Tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, do phân cấp quản lý và do quy mô doanh nghiệp trên địa bàn, hiện nay Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng chủ yếu quản lý các doanh nghiệp có nguồn vốn từ 10 tỷ đồng trở xuống, bao gồm công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân và hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

Bảng 2. 2. Cơ cấu loại hình doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cao Bằng

Loại hình doanh nghiệp	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	SL (DN)	Tỷ lệ (%)	SL (DN)	Tỷ lệ (%)	SL (DN)	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần	79	10,30	83	10,60	85	10,60
Doanh nghiệp tư nhân	57	7,52	58	7,42	60	7,52
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	409	53,59	415	53,39	427	53,39
Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	168	22,02	171	22,02	174	21,70
Công ty hợp danh	0	0	1	0,12	1	0,12
Hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	50	6,57	50	6,44	53	6,66
Tổng số	764	100	778	100	800	100

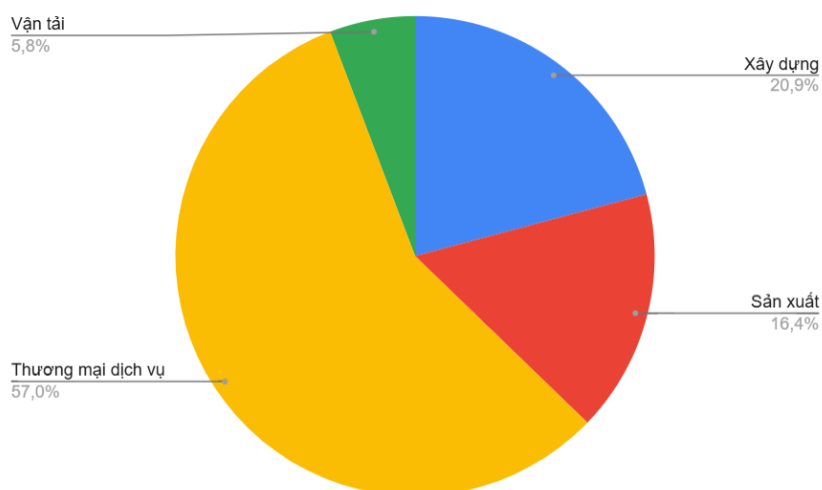
Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Về quy mô doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cao Bằng được phân loại theo tiêu chí nguồn vốn hoặc số lao động, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cao Bằng chủ yếu có nguồn vốn dưới 10 tỷ đồng, một số ít có nguồn vốn trên 10 tỷ đồng nên về quy mô doanh nghiệp, Chi cục Thuế thành phố chủ yếu quản lý các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

Về số lượng doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động do Chi cục Thuế thành phố quản lý (không tính doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trong năm) ngày càng tăng lên, cụ thể năm 2021, số doanh nghiệp đang hoạt động là 764 đơn vị, năm 2022, số doanh nghiệp tăng lên 2% (778 đơn vị), năm 2023 tăng 5% (800 đơn vị). Với số lượng doanh nghiệp lớn hơn, cơ quan thuế gặp nhiều thách thức trong việc kiểm tra và giám sát tuân thủ thuế của từng doanh nghiệp, đặc biệt khi nguồn lực cán bộ và

thời gian có hạn. Việc kiểm soát chặt chẽ để phát hiện và ngăn ngừa các hành vi trốn thuế hoặc kê khai sai trở nên khó khăn hơn. Bên cạnh đó, việc cần xử lý nhiều hơn các hồ sơ thuế, báo cáo tài chính và giám sát các hoạt động kê khai, nộp thuế TNDN làm tăng khối lượng công việc cho cán bộ thuế, khiến họ phải xử lý nhiều nghiệp vụ hơn trong cùng một khoảng thời gian.

Về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp thuộc chi cục thuế quản lý chia ra thành nhiều loại hình như công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên,... trong đó, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là loại hình có số doanh nghiệp cao nhất qua các năm (chiếm trên 53% số doanh nghiệp đang hoạt động) và loại hình có số doanh nghiệp thấp nhất là hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (chỉ chiếm khoảng 6%). Năm 2022, chi cục thuế thành phố có loại hình doanh nghiệp mới là công ty hợp danh, với 1 doanh nghiệp duy nhất.



Hình 2. 2. Cơ cấu doanh nghiệp theo ngành nghề năm 2023

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Các doanh nghiệp SXKD trên địa bàn thành phố Cao Bằng chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ, vốn đầu tư ít, ngành nghề kinh doanh không đa dạng, sản phẩm sản xuất ra ít có khả năng cạnh tranh trên thị trường (trừ lĩnh vực nuôi trồng, XDCB), sản phẩm chưa đa dạng về chủng loại và mẫu mã, khả năng cạnh tranh trên thị trường kém... chưa đáp ứng được tiềm năng của thành phố. Năng lực tài chính hạn chế, nguồn vốn kinh doanh hạn hẹp nên khi phát sinh thuế phải nộp trong bối cảnh khó khăn về kinh tế các doanh nghiệp thường chiếm dụng tiền thuế sử dụng vào mục đích khác dẫn đến việc nợ thuế có xu hướng ngày càng tăng cao.

Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất trong các loại hình doanh nghiệp, chiếm hơn 50% trong tổng số doanh nghiệp hoạt

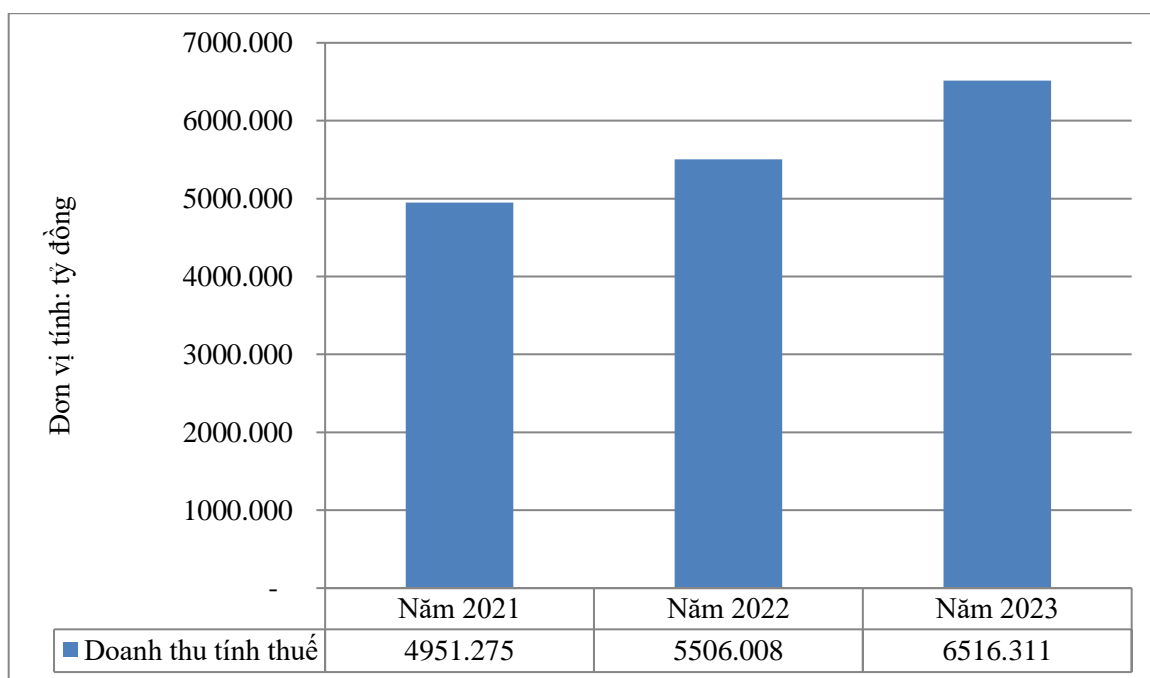
động trên địa bàn và có xu hướng tăng cao qua các năm. Sự tăng trưởng của các ngành thương mại, dịch vụ là động lực cho sự phát triển kinh tế cũng một phần phản ánh trình độ phát triển kinh tế của địa bàn. Thông qua hoạt động mua bán hàng hóa - dịch vụ trên thị trường từ đó nâng cao mức tiêu thụ, khả năng tiêu dùng, hưởng thụ của cá nhân và doanh nghiệp góp phần thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường lao động và phân công lao động trong xã hội.

Doanh nghiệp trên địa bàn hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản chiếm trên 20%, do vậy kết quả SXKD của phần lớn các doanh nghiệp phụ thuộc vào vốn đầu tư của NSNN, nên khi xác định thuế phải nộp theo khối lượng hoàn thành chấp nhận thanh toán, doanh nghiệp phải thực hiện kê khai nộp thuế, trong khi vốn đầu tư lại chưa được Nhà nước thanh toán làm cho NNT không có tiền nộp thuế cho NSNN và đây cũng là một yếu tố không nhỏ làm cho nợ thuế tăng cao.

Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải chiếm tỷ trọng thấp nhất trong các loại hình doanh nghiệp, chỉ chiếm 5-6%. Một bộ phận các doanh nghiệp vận tải không chỉ về phương tiện vận chuyển mà cả nguồn nhân lực vẫn chưa có sự đầu tư tốt. Nguồn nhân lực còn hạn chế về trình độ, nghiệp vụ, chuyên môn, cho nên vẫn chưa tạo được sự tin tưởng tuyệt đối từ khách hàng.

Do địa bàn thành phố rộng, nhân lực tại chi cục còn thiếu, dẫn đến việc quản lý thuế gặp rất nhiều khó khăn, việc nắm bắt các thông tin liên quan đến khối lượng hoàn thành thực tế tại công trình, việc thanh toán vốn đối với doanh nghiệp không kịp thời sẽ ảnh hưởng công tác quản lý.

Theo thông tin trên tờ khai quyết toán thuế TNDN của NNT thuộc Chi cục Thuế thành phố quản lý, doanh thu tính thuế trên địa bàn thành phố Cao Bằng như sau:



Hình 2. 3. Doanh thu tính thuế TNDN của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2023.

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Doanh thu tính thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cao Bằng tăng nhanh qua các năm. Vào cuối năm 2021, tổng doanh thu tính thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố là 4.951,28 tỷ đồng, năm 2022, tăng 11,2% lên 5.506,01 tỷ đồng, đến năm 2023 đạt 6.516,31 tỷ đồng (tăng 31,61% so với năm 2021).

2.1.4. Kết quả thu thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Tình hình thu NSNN trong giai đoạn 2021-2023 chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến đại dịch Covid-19.

Bảng 2. 3. Kết quả thu NSNN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn năm 2021-2023

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
I	THU DO NGÀNH THUẾ QUẢN LÝ	352.600,69	281.251,89	286.559,57
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.163,12	27.054,99	31.501,59
2	Thuế tài nguyên	3.914,35	10.635,01	20.667,70
3	Thuế giá trị gia tăng	108.843,36	67.042,77	84.843,16
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.045,25	772,25	962,37
5	Thuế thu nhập cá nhân	30.006,87	26.149,53	26.357,19
6	Thu tiền sử dụng đất	112.608,85	87.457,85	25.147,49
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Thuế nhà đất	1.328,62	1.825,05	1.917,32

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	907,27	1.622,53	27.395,74
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	281,45	1.568,43	15.009,88
11	Lệ phí trước bạ	51.646,66	40.934,92	34.159,58
12	Thu phí, lệ phí	13.854,89	16.188,56	18.597,56
II	THU KHÁC NGÂN SÁCH	22.186,78	27.039,44	40.518,32
III	THU TỪ QUỸ ĐẤT CÔNG ÍCH VÀ THU HOA LỢI CÔNG SẢN KHÁC	285,24	222,74	171,92
TỔNG THU NỘI ĐỊA		375.072,71	308.514,08	327.249,81

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Năm 2021 trong bối cảnh nền kinh tế trên địa bàn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 với những biến chủng mới, nguy hiểm hơn, cùng với việc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD thương mại và dịch vụ, ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN. Kết quả thu NSNN năm 2021 đạt 375,07 tỷ đồng bằng 111% so với dự toán Bộ Tài chính, bằng 72% dự toán UBND tỉnh giao và bằng 92,8% so với cùng kỳ. Trong đó tổng thu nội địa trừ tiền sử dụng đất đạt 262,46 tỷ đồng.

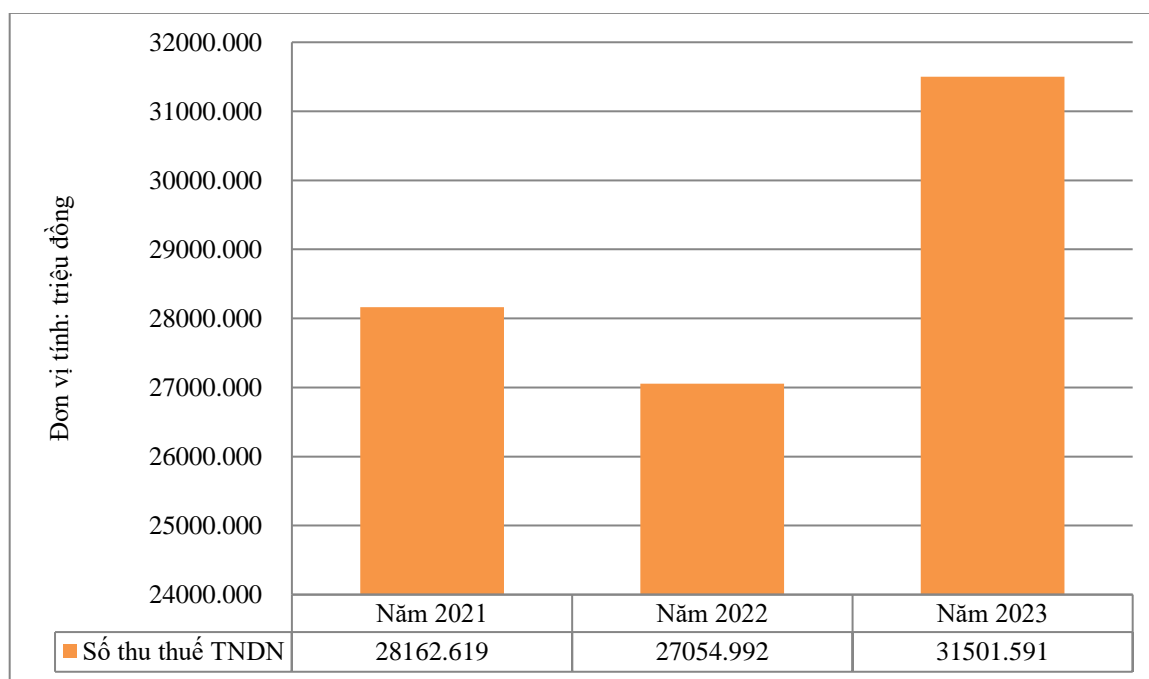
Trong năm 2022, công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác thuế trên địa bàn trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Bên cạnh đó, dịch bệnh Covid-19 bùng phát tại Thành phố Cao Bằng nên đã ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn. Ngoài ra, việc thực hiện một số chính sách mà Chính phủ đã ban hành nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân trong bối cảnh dịch bệnh: Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15, Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, Nghị định số 103/2021/NĐ-CP, Nghị định 34/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022... cũng tác động đến tình hình thu NSNN. Trong bối cảnh như vậy, Chi cục Thuế đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện các giải pháp trong công tác thu ngân sách theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Cục Thuế tỉnh Cao Bằng đặc biệt là các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid - 19, đẩy mạnh cải cách hành chính tạo thuận lợi cho NNT, đạt được những kết quả cụ thể như tổng thu NSNN năm 2022 đạt 308,514 tỷ đồng bằng 94,6% dự toán Bộ Tài chính, bằng 76,6% dự toán UBND tỉnh, bằng 82,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Năm 2023, dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt hơn, nền kinh tế tương đối ổn định và đang trên đà hồi phục, tuy nhiên vẫn có nhưng khó khăn nhất định ảnh hưởng tới công tác thu ngân sách. Tuy nhiên, số thu NSNN của Chi cục Thuế thành phố đã tăng 6,1%

so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể: tổng thu NSNN trong năm đạt 327,2 tỷ đồng, bằng 103,5% dự toán Bộ tài chính giao, bằng 79,2% dự toán UBND tỉnh giao, bằng 78,7% dự toán Hội đồng nhân dân Thành phố, trong đó tổng thu do ngành thuế quản lý trừ tiền sử dụng đất đạt 302,1 tỷ đồng.

2.1.5. Kết quả thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác thuế trong giai đoạn năm 2021 – 2023, trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 và dần hồi phục vào năm 2023, có những khó khăn nhất định ảnh hưởng tới công tác thu NSNN nói chung và thu thuế TNDN nói riêng trên địa bàn thành phố Cao Bằng. Trong bối cảnh đó, Chi cục Thuế Thành phố đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện các giải pháp trong công tác thu ngân sách theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế, Cục Thuế tỉnh Cao Bằng, đặc biệt là các chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính tạo thuận lợi cho NNT. Sau đây là kết quả đạt được tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng trong công tác thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Cao Bằng.



Hình 2. 4. Kết quả thu thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng năm 2021-2023

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Số thu thuế TNDN năm 2022 chỉ đạt 27.054,99 triệu đồng, giảm 1.107,63 triệu đồng (khoảng 4%) so với năm 2021. Đến năm 2023, khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, số thu thuế TNDN tăng lên, đạt 31.501,59 triệu đồng tăng 16% so với năm 2022 và 12% so với năm 2021. Bên cạnh đó, tỷ trọng thuế TNDN thu được trên tổng thu nội địa cũng tăng qua các năm, lần lượt từ năm 2021 – 2023 là 7,51%, 8,77% và 9,63%.

Ngoài ra, trong giai đoạn năm 2021 – 2023, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác quản lý thu thuế TNDN, số lượng doanh nghiệp tuân thủ nghĩa vụ thuế tăng lên đáng kể, công tác kiểm tra thuế được thực hiện thường xuyên và có chất lượng, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong việc thu thuế TNDN nói riêng và thu thuế nói chung.

2.2. Phân tích thực trạng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

2.2.1. Thực trạng về áp dụng nguyên tắc và bộ máy quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.1.1. Về áp dụng nguyên tắc quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Hiện nay, việc quản lý thuế nói chung tại các cơ quan thuế trên toàn quốc đều tuân thủ theo Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội và các văn bản quy định và hướng dẫn về quản lý thuế như Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022, Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021,.... Đối với việc quản lý thuế TNDN nói riêng, ngoài việc tuân thủ theo các quy định của Luật quản lý thuế, việc quản lý thuế TNDN còn được chi phối bởi các văn bản quy định riêng về thuế TNDN như Luật thuế TNDN, các thông tư, nghị định hướng dẫn về thuế TNDN.

Tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, việc quản lý thuế TNDN được triển khai dựa trên các nguyên tắc quản lý thuế TNDN cơ bản nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng luôn công khai rõ ràng các quy định và quy trình liên quan đến thuế TNDN để đảm bảo NNT có thể dễ dàng nắm bắt và tuân thủ. Bên cạnh đó, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng luôn đảm bảo mọi quy trình và quy định về thuế đều được tuân thủ đúng theo pháp luật hiện hành. Việc này không chỉ giúp cơ quan thuế thực hiện nhiệm vụ một cách chính xác mà còn tạo lòng tin và yên tâm cho NNT khi thực hiện các nghĩa vụ thuế.

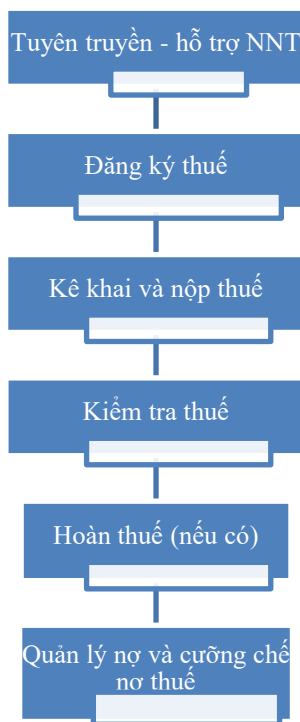
Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng luôn chú trọng đến nguyên tắc công bằng trong quản lý thuế. Mọi doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ đều được đối xử bình đẳng và không có sự phân biệt trong quá trình kiểm tra và xử lý các sai phạm liên quan đến thuế, đảm bảo việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế được thực hiện công bằng, theo đúng quy định pháp luật và áp dụng các biện pháp xử phạt phù hợp. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng cũng thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào các quy trình xử lý công việc theo chỉ đạo của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng và Tổng cục Thuế, nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong

quản lý thuế, tối ưu hóa các quy trình kê khai, nộp thuế và kiểm tra thuế, giảm thiểu tối đa sai sót, tiết kiệm thời gian và nguồn lực, đồng thời nâng cao tính chính xác và kịp thời trong việc xử lý thông tin thuế. Ngoài ra, việc thúc đẩy ý thức tuân thủ của NNT cũng được đưa vào một trong những nhiệm vụ quan trọng của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng tại thời điểm hiện tại và tiếp tục nỗ lực trong thời gian tới.

Như vậy, việc áp dụng các nguyên tắc quản lý thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng không chỉ giúp cơ quan thuế thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả và chính xác mà còn tạo ra một môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và thuận lợi cho doanh nghiệp. Điều này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của kinh tế địa phương.

2.2.1.2. Về áp dụng phân cấp bộ máy quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng được thực hiện theo quy trình sau:



Hình 2. 5. Quy trình quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Trong đó, để thực hiện các nhiệm vụ theo quy trình quản lý thuế TNDN cần có sự tham gia của các đội chuyên môn tại chi cục bao gồm: Đội nghiệp vụ quản lý thuế (Tuyên truyền – Hỗ trợ - Nghiệp vụ - Dự toán – Kê khai – Kế toán thuế – Tin học), đội kiểm tra thuế (Kiểm tra thuế - Quản lý và cưỡng chế nợ thuế). Cụ thể các bộ phận thực hiện chức năng quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng như sau:

- Bộ phận Tuyên truyền – Hỗ trợ NNT thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách pháp luật thuế; hỗ trợ NNT trong phạm vi Chi cục Thuế quản lý;

- Bộ phận Kế khai – Kế toán thuế và Tin học thực hiện công tác đăng ký thuế, quản lý khai thuế, xử lý các hồ sơ hoàn thuế TNDN nộp thừa, khấu trừ thuế, tính thuế và thông báo thuế, nộp thuế, hoàn trả tiền thuế, kế toán thuế, thống kê thuế theo phân cấp quản lý; quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học; triển khai, cài đặt, hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý thuế, quản lý nội ngành cho công chức thuế và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ NNT

- Bộ phận Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế thực hiện công tác quản lý nợ thuế, gia hạn thời hạn nộp thuế; khoan nợ, xoá tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ; miễn tiền chậm nộp thuế; không tính tiền chậm nộp thuế và cưỡng chế thu tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp (gọi chung là công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế) thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế.

- Bộ phận Kiểm tra thuế thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kê khai thuế; giải quyết tố cáo liên quan đến NNT; thực hiện dự toán thu thuế đối với NNT thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế.

2.2.2. Thực trạng áp dụng nội dung quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Áp dụng các chỉ tiêu đã đưa ra ở phần 1.1.4, Đề án thực hiện phân tích thực trạng áp dụng các nội dung quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

2.2.2.1. Tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Bộ phận Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT tại Chi cục thực hiện ban hành văn bản tuyên truyền về các điểm mới hoặc các chính sách thuế mới đến doanh nghiệp trên địa bàn thông qua các hình thức như đăng trên trang web, trên nhóm hỗ trợ Zalo của Chi cục Thuế với mục đích mang những quy định và chính sách thuế được công khai và tiếp cận kịp thời đến NNT, giảm tỷ lệ NNT vi phạm pháp luật về thuế do chưa hiểu rõ về pháp luật thuế. Cán bộ thuế cũng tham gia thực hiện tuyên truyền, trao đổi với NNT nhằm làm rõ các vấn đề trong các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, tìm ra tiếng nói chung giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp, từ đó, doanh nghiệp dễ dàng chấp hành đúng pháp luật về thuế.

Theo báo cáo của Tổng cục Thuế, chỉ số tuyên truyền, hỗ trợ NNT của cơ quan thuế có xu hướng tăng trưởng ổn định, năm 2021 chỉ số này đạt 78%, năm 2022 tăng lên 85% và năm 2023, chỉ số này đã chạm mức 90%. Cùng với sự cố gắng, phát triển của Tổng cục Thuế, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng nói riêng và Cục Thuế tỉnh Cao

Bảng nói chung đã phân đầu để hoàn thành các nhiệm vụ về tuyên truyền, hỗ trợ NNT thu nhập doanh nghiệp.

Bảng 2. 4. Kết quả công tác tuyên truyền – hỗ trợ NNT thu nhập doanh nghiệp trong giai đoạn năm 2021 – 2023 tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	2021	2022	2023
1	Số tài liệu, ấn phẩm về thuế TNDN được cấp phát	Tài liệu	3.034	12.068	3.420
2	Số lượt viết bài tuyên truyền và tổ chức lớp tập huấn về thuế TNDN	Lượt	8	11	17
3	Số lượt doanh nghiệp giải đáp thắc mắc về thuế TNDN	Lượt	2.424	2512	2.770
4	Số lượt doanh nghiệp được giải đáp thắc mắc qua nhóm Zalo “HTKK thành phố”	Lượt	125	114	572
5	Số bài viết tuyên truyền về thuế TNDN trên các thông tin đại chúng	Bài viết	26	35	46

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Năm 2021, số các lớp tập huấn về thuế Chi cục Thuế và tập huấn, hội nghị kết hợp giữa Chi cục Thuế và Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Văn hóa thông tin và du lịch, Phòng tư pháp Thành phố về việc tuyên truyền chính sách về thuế TNDN là 8 lượt, năm 2022, tăng lên 11 lượt và năm 2023 tăng lên 17 lượt. Các lớp tập huấn luôn nhận được sự quan tâm và hưởng ứng của doanh nghiệp và các hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn, với số lượng doanh nghiệp tham gia lớp tập huấn lên đến hơn 800 doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Chi cục Thuế còn cấp phát các tài liệu, ấn phẩm về thuế TNDN, năm 2021 thực hiện cấp phát 3.034 tài liệu. Năm 2022, Tổng cục Thuế triển khai, tuyên truyền về việc sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền và tổ chức chương trình quay số “Hóa đơn may mắn”, do đó số tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền về thuế được cấp phát tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng tăng gần 4 lần so với năm 2021, đạt 12.068 lượt, năm 2023, số tài liệu cấp phát trở lại gần bằng năm 2021 đạt 3.420 lượt. Số lượt NNT được giải đáp thắc mắc kịp thời về thuế TNDN ngày càng tăng, cụ thể tăng 14% trong giai đoạn năm 2021 – 2023, năm 2021, số liệu này đạt 2.424 lượt, đến năm 2023 số liệu này tăng lên đến 2.770 lượt. Hơn nữa, năm 2021 là năm đánh dấu Chi cục Thuế cho ra mắt nhóm Zalo “HTKK thành phố” nhằm hỗ trợ doanh nghiệp giải đáp vướng mắc kịp thời, 24/7, nhóm Zalo này được phổ biến rộng rãi đến tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cao Bằng với tổng số lượt doanh nghiệp được giải đáp thắc mắc trong 3

năm 2021 – 2023 là 911 lượt. Ngoài ra, Chi cục Thuế thành phố còn thực hiện giải đáp thắc mắc cho NNT trực tiếp tại Chi cục, bằng văn bản, qua điện thoại.

Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng cũng đôn đốc, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện tốt Luật kế toán, nâng cao tính tự giác của doanh nghiệp và NNT. Đối với chính sách thuế, Chi cục Thuế không có thẩm quyền cập nhật chính sách thuế. Tuy nhiên, Chi cục đã kịp thời gửi tham mưu bằng văn bản đến cơ quan quản lý cấp trên (Cục Thuế tỉnh) về những bất cập trong quá trình áp dụng chính sách thuế trong thực tiễn và hướng giải quyết của chi cục. Năm 2021, chi cục thực hiện tham mưu 1 lần và năm 2023, tham mưu 03 lần thông qua các văn bản lấy ý kiến về áp dụng chính sách thuế. Tuy nhiên, khi chuyển đổi từ cơ chế chuyên quản sang cơ chế tự khai tự nộp, việc kê khai, tính thuế, nộp thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng còn tồn tại nhiều vấn đề do doanh nghiệp chưa nắm rõ quy trình kê khai thuế, giá trị từ chính khoản thuế đóng góp; chưa hiểu biết về các chính sách thuế; chưa nhận thức đúng đắn về trách nhiệm và nghĩa vụ phải kê khai nộp thuế của bản thân. Số doanh nghiệp chi cục quản lý ngày càng tăng, kéo theo việc thiếu số lượng cán bộ có chuyên môn thực hiện việc tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế.

Kết quả sự hài lòng của doanh nghiệp về thực trạng tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế TNDN như sau.

Bảng 2. 5. Đánh giá của doanh nghiệp về thực trạng tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế TNDN

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện										Điểm trung bình	Thứ bậc
		5		4		3		2		1			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Sự hài lòng với việc tập huấn, đối thoại, cung cấp tài liệu cho doanh nghiệp	33	15,94	62	29,95	61	29,47	36	17,39	15	7,25	3,30	3
2	Nội dung truyền thuế TNDN có đa dạng, dễ hiểu	30	14,49	78	37,68	59	28,50	25	12,08	15	7,25	3,40	2
3	Chính sách thuế và luật kế toán được phổ biến kịp thời	52	25,12	69	33,33	57	27,54	20	9,66	9	4,35	3,65	1

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện										Điểm trung bình	Thứ bậc
		5		4		3		2		1			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
4	Ứng dụng tốt CNTT trong việc tuyên truyền và hỗ trợ NNT	29	14,01	62	29,95	59	28,50	32	15,46	25	12,08	3,18	4
Trung bình chung												3,38	

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Theo báo cáo của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, mức độ đáp ứng nhu cầu công việc thu thuế đối với các doanh nghiệp khá cao và có xu hướng tăng trưởng qua các năm. Tuy nhiên điểm đánh giá mức độ hài lòng của NNT đối với chi cục về tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế TNDN là chưa cao, đạt 3,19 điểm. Mặc dù điểm tiêu chí đánh giá “Chính sách thuế và luật kế toán được phổ biến kịp thời” xếp thứ hạng cao nhất, đạt 3,38 điểm nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn cho rằng các thay đổi về chính sách thuế và luật kế toán chưa được phổ biến kịp thời, chưa công khai minh bạch, chưa chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn và thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện tốt chế độ quản lý và sử dụng hóa đơn, chứng từ. Chi cục thuế chưa tận dụng hết sự phát triển của CNTT trong việc tuyên truyền và hỗ trợ NNT, do đó điểm đánh giá tiêu chí này thấp nhất, 3,18 điểm. Các văn bản chính sách pháp luật thuế mới chưa được kịp thời trên website của chi cục. Nội dung tuyên truyền đến các doanh nghiệp là như nhau, Chi cục thuế chưa quan tâm đến việc phân loại nhu cầu của NNT, xu hướng và mức độ tuân thủ để có cách tuyên truyền hiệu quả. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng chưa khuyến khích được sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng trong việc quản lý thuế TNDN, do đó vẫn còn hạn chế trong thấu hiểu những khó khăn của doanh nghiệp và nâng cao chất lượng phục vụ của Chi cục Thuế thành phố. Hàng năm, trong hội nghị kết hợp giữa Chi cục Thuế và Ủy ban nhân dân thành phố, Chi cục Thuế đã tuyên dương một số NNT tiêu biểu, tuy nhiên việc tuyên dương còn mang tính hình thức, chưa có chế độ chính sách nhằm khích lệ và thúc đẩy ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp cũng như NNT trên địa bàn.

2.2.2.2 Quản lý việc khai thuế, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Hiện nay, việc quản lý thuế nói chung tại các cơ quan thuế trên toàn quốc đều tuân thủ theo Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội và các văn bản quy định và hướng dẫn về quản lý thuế như Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày

19/10/2020, Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022, Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021,... Đối với việc quản lý thuế TNDN nói riêng, ngoài việc tuân thủ theo các quy định của Luật quản lý thuế, việc quản lý thuế TNDN còn được chi phối bởi các văn bản quy định riêng về thuế TNDN như Luật thuế TNDN, các thông tư, nghị định hướng dẫn về thuế TNDN.

Trong những năm vừa qua, việc quản lý kê khai, nộp thuế được bộ phận Kế khai – Kế toán Thuế và Tin học cùng với bộ phận Quản lý nợ và cưỡng chế nợ Thuế thực hiện nghiêm ngặt để đảm bảo các doanh nghiệp nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế đầy đủ, đúng hạn vào NSNN, tránh tình trạng nợ đọng thuế. Để đạt được mục tiêu này, cán bộ thuộc Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã tích cực tuân thủ các bước của quy trình quản lý kê khai, kế toán thuế.

Tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, việc quản lý thuế TNDN được triển khai dựa trên các nguyên tắc quản lý thuế TNDN cơ bản nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả, công khai các quy định và quy trình liên quan đến thuế TNDN. Việc này không chỉ giúp cơ quan thuế thực hiện nhiệm vụ một cách chính xác mà còn tạo lòng tin và yên tâm cho NNT khi thực hiện các nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên số lượng doanh nghiệp tăng nhanh gây áp lực không nhỏ cho hoạt động quản lý kê khai, nộp thuế TNDN, số lượng cán bộ thuế làm công tác này hiện nay vẫn có còn thiếu, nhiều cán bộ vẫn phải làm việc kiêm nhiệm. Có những trường hợp Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng vẫn nhầm lẫn cách tính thuế TNDN do nhầm lẫn ngành nghề kinh doanh, nhiều thời điểm chưa nắm bắt ngay thông tin doanh nghiệp mới và số lượng doanh nghiệp vắng lai trên địa bàn dẫn đến còn có hiện tượng thất thu thuế TNDN. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng chưa phân công cán bộ chuyên biệt thực hiện theo dõi và đăng công khai các quy định và quy trình liên quan đến thuế TNDN theo các chuyên mục lên trang thông tin điện tử ngành thuế để đảm bảo NNT có thể dễ dàng nắm bắt và tuân thủ.

Theo báo cáo của Tổng cục Thuế năm 2023, tỷ lệ tuân thủ thuế của các doanh nghiệp lớn đạt 90%, doanh nghiệp vừa và nhỏ là khoảng 75%, trong khi đó con số này ở doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chỉ khoảng 65-70%, thấp hơn rất nhiều so với các doanh nghiệp lớn. Như đã trình bày ở trên, doanh nghiệp do Chi cục Thuế thành phố quản lý chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tuy vậy chỉ số tuân thủ của NNT tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng lại khá cao với tỷ lệ nộp tờ khai, tỷ lệ nộp tờ khai đúng hạn và tỷ lệ tờ khai không có lỗi số học tăng dần qua các năm.

Bảng 2. 6. Đánh giá tình hình nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng số tờ khai phải nộp	Tờ	816	864	892
2	Số tờ khai đã nộp	Tờ	783	830	862
3	Số tờ khai đã nộp đúng hạn	Tờ	759	813	835
4	Số tờ khai đã nộp chậm	Tờ	24	14	15
6	Số tờ khai không có lỗi số học	Tờ	724	819	834
5	Số tờ khai không nộp	Tờ	33	34	30
7	Tỷ lệ đã nộp/phải nộp	%	95,96	96,06	96,64
8	Tỷ lệ đúng hạn/đã nộp	%	96,93	97,95	96,87
9	Tỷ lệ không nộp/phải nộp	%	4,04	3,94	3,36
10	Tỷ lệ không có lỗi số học/đã nộp	%	92,46	98,67	96,75

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Trong giai đoạn năm 2021 – 2023, Chi cục Thuế thành phố đã tiếp nhận, xử lý 2.475 hồ sơ quyết toán thuế TNDN, trong đó nộp đúng hạn 2.407 hồ sơ chiếm 97,25%, nộp quá hạn 53 hồ sơ chiếm 2,75%. Đối với các trường hợp vi phạm về hạn nộp hồ sơ khai thuế, Chi cục Thuế đã lập biên bản và ra quyết định xử phạt với tổng số tiền xử phạt là 224,5 triệu đồng. Tỷ lệ tờ khai đã nộp tăng dần qua các năm, cụ thể năm 2021, tỷ lệ tờ khai nộp đúng hạn là 95,96%, đến năm 2023, tỷ lệ nộp tờ khai đúng hạn tăng lên 96,64% (tăng 0,68%). Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng doanh nghiệp nộp tờ khai chưa đúng hạn, tỷ lệ nộp tờ khai đúng hạn chỉ chiếm khoảng 97% so với tờ khai đã nộp.

Năm 2021, tỷ lệ tờ khai không có lỗi số học chỉ chiếm 92,46%, tuy nhiên tỷ lệ này không thể hiện được chỉ số tuân thủ của doanh nghiệp trong năm 2022 bởi năm 2022 là năm đầu tiên áp dụng tờ khai theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021. Hệ thống HTKK chưa được hoàn thiện, dẫn đến việc doanh nghiệp đã kê khai đầy đủ, nhưng những chỉ tiêu như số thuế phải nộp không tự động tính như tờ khai cũ, NNT còn ngỡ nên tỷ lệ tờ khai có lỗi số học tăng lên. Đến năm 2023, sau khi nhận được sự tuyên truyền, hỗ trợ của cán bộ thuế, cũng như rút kinh nghiệm từ năm 2022, tỷ lệ tờ khai không có lỗi số học tăng 6,21% đạt 98,67%.

Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc quản lý thuế TNDN cũng được sử dụng công nghệ thông tin thông qua việc kê khai và nộp thuế điện tử. Năm 2015, Tổng cục Thuế đưa vào sử dụng hệ thống thuế điện tử, cho phép NNT có thể kê khai và nộp thuế theo phương thức điện tử thông qua trang web của tổng cục thuế. Cho đến hiện nay, sau 09 năm triển khai hệ thống thuế điện tử, số lượng NNT thực hiện nộp tờ khai điện tử tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đạt 100% và số lượng NNT thực hiện nộp thuế điện tử đạt 98%, giảm bớt gánh nặng cho quy trình quản lý thuế nhưng lại nâng cao hiệu quả quản lý tờ khai thuế nói chung và tờ khai thuế TNDN nói riêng. Tuy nhiên, vẫn có nhiều doanh nghiệp mới thành lập còn gặp khó khăn trong thực hiện kê khai thuế qua mạng, Chi cục thuế vẫn chưa có phương án hỗ trợ các doanh nghiệp này.

Bên cạnh đó, trên địa bàn thành phố Cao Bằng, các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN như hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế chủ yếu là các doanh nghiệp có dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tính đến cuối năm 2023, Chi cục Thuế quản lý 39 dự án đầu tư, trong đó 26 dự án đang hoạt động và 13 dự án chưa đi vào hoạt động. Trong số dự án đầu tư đang hoạt động có 15 dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo giấy chứng nhận đầu tư, tuy nhiên chưa có dự án nào thực hiện kê khai thuế TNDN theo thuế suất được ưu đãi, do chưa phát sinh doanh thu từ các dự án này. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng thường xuyên rà soát những đơn vị có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, đơn đốc và hỗ trợ NNT nộp hồ sơ khai thuế cho phần doanh thu được hưởng ưu đãi theo đúng quy định. Tuy vậy, nhìn chung việc quản lý các trường hợp được ưu đãi thuế TNDN ở Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng thực hiện chưa được sát sao, công tác tuyên truyền, hướng dẫn NNT về các trường hợp được ưu đãi thuế TNDN chưa được chú trọng.

Tại bộ phận Kê khai – Kế toán Thuế và Tin học, các cán bộ thuế thuộc Chi cục Thuế thành phố luôn tuân thủ và thực hiện đủ các bước của quy trình kê khai và kế toán thuế. Đối với kế toán thuế, kế toán thu thuộc chi cục luôn thực hiện nhận số thuế nộp vào NSNN kịp thời sau khi Kho bạc thực hiện đầy chứng từ về cơ quan thuế. Tuy nhiên, tại Chi cục Thuế thành phố, việc ấn định thuế cho NNT không nộp hồ sơ khai thuế chưa được thực hiện.

Bảng 2. 7. Đánh giá của doanh nghiệp về thực trạng quản lý việc khai thuế, nộp thuế TNDN

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện										Điểm trung bình	Thứ bậc
		5		4		3		2		1			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Thời hạn nộp hồ sơ kê khai thuế là hợp lí	38	18,36	72	34,78	54	26,09	14	6,76	29	14,01	3,37	2
2	Biểu mẫu và thủ tục kê khai thuế phù hợp, dễ hiểu	43	20,77	78	37,68	65	31,40	13	6,28	8	3,86	3,65	1
3	Phần mềm kê khai thuế qua mạng có chất lượng tốt, dễ sử dụng.	23	11,11	69	33,33	57	27,54	33	15,94	25	12,08	3,15	4
4	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ, hỗ trợ doanh nghiệp của cơ quan thuế đạt yêu cầu.	30	14,49	65	31,40	55	26,57	34	16,43	23	11,11	3,22	3
Trung bình chung											3,35		

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Kết quả sự hài lòng của doanh nghiệp về thực trạng quản lý việc khai thuế, nộp thuế TNDN như sau: Kết quả đánh giá có điểm trung bình chung là 3,35 điểm. Trong đó tiêu chí “Biểu mẫu và thủ tục kê khai thuế phù hợp, dễ hiểu” có đánh giá cao nhất đạt 3,65. Tiêu chí “Phần mềm kê khai thuế qua mạng có chất lượng tốt, dễ sử dụng.” thấp nhất đạt 3,15 điểm. Do cấu hình mạng và các thiết bị máy chủ cấu hình chưa hiện đại nên có những lúc NNT thực hiện nộp tờ khai trên thuế điện tử, các cán bộ chưa kịp thời nắm bắt số lượng tờ khai đã nộp vào hệ thống, số lượng tờ khai không vào được hệ thống do lỗi của NNT để kịp thời hướng dẫn NNT kê khai, sửa đổi bổ sung hồ sơ khai thuế đúng theo quy định. Do đó có những thời điểm chưa quan tâm sát sao, đôn đốc xử lý hồ sơ quyết toán thuế kịp thời, đúng quy định.

Cùng với sự nâng cấp hệ thống của Tổng cục Thuế, Chi cục Thuế thành phố đã ứng dụng các phần mềm được phát triển bởi Tổng cục Thuế như Cơ sở dữ liệu NNT, thuế điện tử dành cho cán bộ thuế,... trong việc quản lý thuế TNDN, giúp cán bộ trong

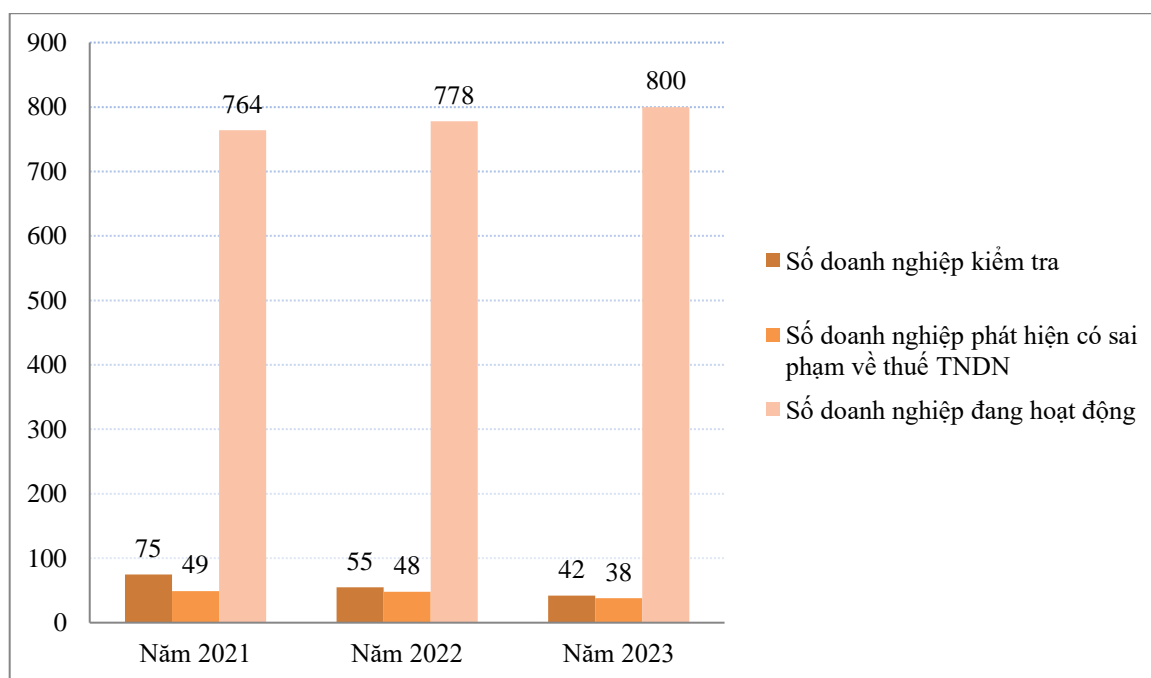
chi cục nắm được các chỉ tiêu trên tờ khai của doanh nghiệp cũng như quản lý các chỉ tiêu trên tờ khai tốt hơn. Tuy vậy, do hạn chế của ứng dụng, dữ liệu xuất từ ứng dụng chưa đầy đủ khiến cán bộ thuế phải trực tiếp tra cứu và xem tờ khai, chưa theo dõi quản lý thuế cho phù hợp với thực tiễn.

2.2.2.3. Kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp

Việc kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế thành phố đã được tăng cường, nhất là trong giai đoạn năm 2021 – 2023, đưa những NNT, doanh nghiệp không thuộc danh sách kiểm tra vào kiểm tra do phát hiện dấu hiệu nghi ngờ sai phạm như 03 năm liên không phát sinh doanh thu, có doanh thu trên các sàn thương mại điện tử nhưng kê khai không phát sinh doanh thu trên tờ khai,...

Trong quá trình kiểm tra, Chi cục nắm bắt thông tin về NNT và các hoạt động SXKD của họ, kiểm tra tình hình khai thuế và nộp thuế của NNT, kiểm tra cụ thể các chỉ tiêu kê khai trên tờ khai thuế TNDN, và yêu cầu doanh nghiệp giải trình các số liệu không khớp với cơ quan thuế. Các cán bộ thuộc Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng cũng kiểm tra, đối chiếu tổng doanh thu trên tờ khai TNDN với tổng doanh thu trong năm trên tờ khai thuế giá trị gia tăng để kịp thời phát hiện những bất cập hoặc biến động lớn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên trong một số cuộc kiểm tra vẫn còn có hiện tượng doanh nghiệp bị kiểm tra trùng nội dung trong năm.

Chi cục luôn cố gắng nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế của doanh nghiệp. Các cán bộ thuế thực hiện so sánh, đối chiếu số liệu trên hồ sơ khai thuế với báo cáo tài chính và hóa đơn, chứng từ của doanh nghiệp, đồng thời so sánh các yếu tố doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế giữa các năm để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận thuế. Nhờ việc áp dụng các biện pháp này, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng không chỉ đảm bảo thu đúng và đủ thuế mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế, góp phần phát triển kinh tế bền vững. Ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT được nâng cao, các chỉ tiêu trên tờ khai thuế TNDN được khai báo trung thực hơn. Tuy nhiên, do khối lượng công việc nhiều, đối tượng quản lý đa dạng số lượng cán bộ kiểm tra còn thiếu, chưa được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn thường xuyên, một số cán bộ có hiện tượng không cập nhật kịp thời những thay đổi mới nhất trong lĩnh vực kế toán và phân tích báo cáo tài chính. Vẫn còn trường hợp doanh nghiệp phản ánh một số cán bộ thuế có hành vi sách nhiễu, cậy chức cậy quyền, tùy tiện khi thi hành công vụ.



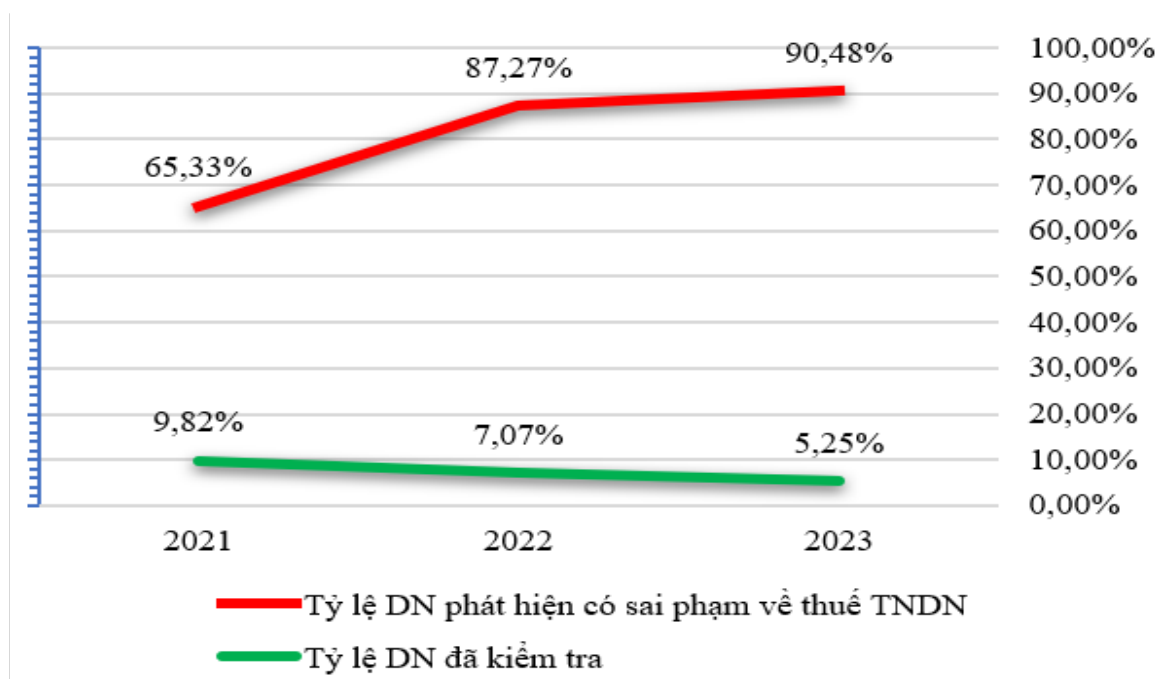
Hình 2. 6. Tình hình thực hiện kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng năm 2021 – 2023

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Trong hình trên có thể thấy, tuy số doanh nghiệp đang hoạt động do Chi cục Thuế thành phố quản lý ngày càng tăng, nhưng số doanh nghiệp thực hiện kiểm tra lại giảm qua từng năm, số doanh nghiệp phát hiện sai phạm về thuế TNDN cũng giảm. Năm 2021, số doanh nghiệp thực hiện kiểm tra thuế là 75 đơn vị, chiếm 9,82% doanh nghiệp đang hoạt động, đến năm 2022, số doanh nghiệp thực hiện kiểm tra thuế là 55 doanh nghiệp và đến năm 2023 giảm chỉ còn 42 doanh nghiệp chiếm 5,25% tổng doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Tiêu chí lựa chọn các doanh nghiệp kiểm tra thuế bao gồm: Các doanh nghiệp có dấu hiệu không minh bạch trong khai báo tài chính, khai thiếu hoặc che giấu doanh thu, lợi nhuận sẽ nằm trong nhóm ưu tiên kiểm tra. Các lĩnh vực kinh doanh có tính phức tạp cao, như xây dựng, dịch vụ tài chính, hoặc thương mại điện tử, thường có rủi ro gian lận thuế cao hơn, nên được ưu tiên kiểm tra. Tuy nhiên, do sự kiểm soát sát sao của cơ quan thuế, cùng với việc tuyên truyền và hỗ trợ pháp lý, ý thức chấp hành các quy định về thuế của doanh nghiệp ngày càng được nâng cao. Do đó, tỷ lệ vi phạm giảm dẫn đến nhu cầu kiểm tra thuế cũng giảm.

Cùng với đó, số lượng doanh nghiệp đã thực hiện kiểm tra thuế và phát hiện sai phạm về thuế TNDN giảm từ 49 doanh nghiệp năm 2021 xuống còn 38 đơn vị vào năm 2023. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp phát hiện sai phạm về thuế TNDN trên số doanh nghiệp kiểm tra tăng mạnh, từ 65,33% năm 2022 lên đến 90,48% năm 2023. Tổng số doanh nghiệp thực hiện kiểm tra là 172 doanh nghiệp, trong đó số doanh nghiệp phát

hiện sai phạm về thuế TNDN là 135 đơn vị (chiếm 78,49%); Số tiền truy thu thuế TNDN sau kiểm tra đạt 5.393,66 triệu đồng (chiếm 6,22% tổng thu thuế TNDN), trung bình số tiền truy thu thuế TNDN trên một vụ là 39,95 triệu đồng.



Hình 2. 7. Kết quả kiểm tra của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021-2023

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Tỷ lệ sai phạm cho thấy Chi cục Thuế thành phố đã cải thiện hiệu quả trong việc chọn lọc và kiểm tra các doanh nghiệp có nguy cơ vi phạm cao. Phản ánh sự cải thiện trong việc thu thập và phân tích dữ liệu của cơ quan thuế. Bên cạnh đó, tình hình truy thu thuế TNDN theo từng năm có xu hướng giảm mặc dù số lượng doanh nghiệp phát hiện vi phạm tăng, cụ thể:

Bảng 2. 8: Tình hình truy thu thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021-2023

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tỷ lệ doanh nghiệp phát hiện sai phạm	%	65,33	87,27	90,48
2	Số thuế TNDN truy thu	triệu đồng	2.348,75	1.416,38	1.628,54
3	Tỷ lệ số thuế TNDN truy thu được so với tổng thu thuế TNDN	%	8,34	5,24	5,17

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Năm 2021, tỷ lệ doanh nghiệp phát hiện sai phạm là 65,33%, số thuế TNDN thu được sau kiểm tra thuế là 2.348,75 triệu đồng, chiếm 8,34% tổng thu thuế TNDN trong năm 2021. Năm 2022, tỷ lệ doanh nghiệp phát hiện sai phạm là 87,27%, số thuế TNDN thu được sau kiểm tra thuế là 1.416,38 triệu đồng, chiếm 5,24% tổng thu thuế TNDN trong năm 2022. Năm 2023, tỷ lệ doanh nghiệp phát hiện sai phạm là 90,48%, số thuế TNDN thu được sau kiểm tra thuế là 1.628,54 triệu đồng, chiếm 5,17% tổng thu thuế TNDN trong năm 2023. Số doanh nghiệp kê khai sai, nhất là sai lỗi số học giảm dần qua các năm, đến năm 2023, tỷ lệ doanh nghiệp kê khai sai lỗi số học trên tờ khai quyết toán thuế TNDN chỉ còn khoảng 3%.

Điều này cho thấy rằng, mặc dù tỷ lệ phát hiện sai phạm đã tăng lên, nhưng giá trị của các vi phạm lại có xu hướng giảm dần theo các năm, và số tiền sai sót của mỗi doanh nghiệp cũng không còn lớn như trước. Thành quả này đạt được nhờ vào sự kiểm tra chặt chẽ và kỹ lưỡng hơn của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đối với hồ sơ đầu vào. Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế trong công tác kiểm tra thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng như do thiếu nhân sự, số lượng cán bộ thuế xuống địa bàn bám sát doanh nghiệp còn thiếu; Cơ sở dữ liệu NNT chưa được cập nhật liên tục, đầy đủ, kịp thời và chính xác với sự hỗ trợ từ công nghệ thông tin hiện đại; Việc xử lý các trường hợp vi phạm chưa được thực hiện một cách nghiêm túc và dứt khoát, vẫn còn tình trạng nể nang.

Kết quả sự hài lòng của doanh nghiệp về thực trạng kiểm tra thuế TNDN như sau.

Bảng 2. 9. Đánh giá của doanh nghiệp về thực trạng kiểm tra thuế TNDN

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện										Điểm trung bình	Thứ bậc
		5		4		3		2		1			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế không gây ảnh hưởng đến việc SXKD	34	16,43	74	35,75	54	26,09	14	6,76	31	14,98	3,32	2
2	Các hình thức thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế đa dạng, phù hợp tình hình thực tiễn	28	13,53	73	35,27	55	26,57	13	6,28	38	18,36	3,19	3
3	Những yêu cầu về chứng từ của cơ quan thuế	47	22,71	67	32,37	50	24,15	20	9,66	23	11,11	3,46	1

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện										Điểm trung bình	Thứ bậc
		5		4		3		2		1			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
	trong quá trình kiểm tra là hợp lý, hợp lệ.												
Trung bình chung												3,32	

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Các doanh nghiệp đánh giá công tác kiểm tra thuế đạt 3,32 điểm. Doanh nghiệp tham gia khảo sát cho rằng công tác kiểm tra thuế đã được tăng cường và chú trọng, điều này nâng cao ý thức chấp hành của NNT, giảm thiểu tối đa tình trạng NNT có hành vi gian lận thuế, nhằm tăng nguồn thu vào NSNN. Chi cục đã mở các cuộc kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất đối với các doanh nghiệp có rủi ro về hóa đơn để kịp thời phát hiện và xử lý. Tuy nhiên, một bộ phận doanh nghiệp cho rằng Chi cục chưa sử dụng các loại hình, phương pháp kiểm tra khác nhau tùy từng trường hợp cụ thể, chưa phân loại quản lý theo quy mô hoạt động dẫn đến việc thực hiện kiểm tra thuế còn thiếu hiệu quả. Do đó tiêu chí “Các hình thức thanh tra, kiểm tra của Cục thuế đa dạng, phù hợp tình hình thực tiễn” xếp cuối cùng trong các tiêu chí khảo sát.

2.2.2.4. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế thu nhập doanh nghiệp

Tại bộ phận Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, các cán bộ thực hiện gửi thông báo nợ thuế kịp thời, thực hiện đôn đốc NNT nộp số thuế còn nợ vào NSNN. Bên cạnh đó, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế được Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng áp dụng như gửi thông báo nợ, cưỡng chế hóa đơn, cưỡng chế tài khoản ngân hàng và phối hợp với các cơ quan chức năng khác,... để đảm bảo nguồn thu đúng, thu đủ, giảm tối đa trường hợp chây ì, nợ đọng tiền thuế. Các biện pháp là Cụ thể theo bảng sau.

Bảng 2. 10. Kết quả quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn năm 2021 – 2023

Đơn vị tính: Trường hợp

TT	Nội dung	2021	2022	2023
1	Ban hành thông báo nợ	30.699	36.664	43.000
2	Cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị	36	55	60
3	Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản	385	505	628

TT	Nội dung	2021	2022	2023
4	Thông báo tạm hoãn xuất cảnh			5

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Trong đó Chi cục thuế đã thực hiện ban hành thông báo nợ thường xuyên, định kỳ hàng tháng sau khi khóa sổ tháng trước và gửi qua thư điện tử cho NNT. Năm 2023, Chi cục thuế đã thực hiện phối hợp với Hải quan, Công an để thông báo tạm hoãn xuất cảnh với 5 trường hợp. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ đọng, nợ khó thu tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng còn lớn dẫn đến số liệu thực hiện các phương pháp tăng trong cả giai đoạn thể hiện công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế chưa thật tốt, chưa giảm bớt nợ đọng để tăng cường nguồn thu cho NSNN. Chi cục thuế chưa thực hiện giao chỉ tiêu đối với việc thu nợ thuế đối với từng cán bộ tham gia công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ.

Đối với các doanh nghiệp có số nợ thuế lớn và chậm thanh toán nhiều lần, Chi cục đã áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính như phong tỏa tài khoản ngân hàng, đình chỉ mã số thuế, hoặc ngừng cấp phép kinh doanh. Trong năm 2023, một số doanh nghiệp có nợ thuế TNDN lớn đã bị phong tỏa tài khoản ngân hàng, thông báo tạm hoãn xuất cảnh, giúp Chi cục thu hồi một phần nợ thuế tồn đọng. Bên cạnh đó, trong giai đoạn dịch COVID-19, một số doanh nghiệp tại Cao Bằng gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh dẫn đến chậm nộp thuế. Để hỗ trợ, Chi cục đã áp dụng chính sách gia hạn nộp thuế hoặc miễn, giảm nợ thuế, tạo điều kiện để doanh nghiệp vượt qua khó khăn, sau đó có thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thuế.

Tỷ lệ nợ đọng, nợ khó thu tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng còn lớn và có xu hướng tăng dần. Năm 2021 là 504,6, đến thời điểm 31/12/2023, số nợ khó thu của Chi cục Thuế thành phố là 621,71 triệu đồng, chiếm 47,63% tổng nợ, chủ yếu là số nợ khó thu này đến từ các doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, chiếm 49,06% tổng nợ khó thu (305,65 triệu đồng) và các doanh nghiệp đã cưỡng chế hóa đơn liên tiếp từ 3 lần trở lên có số nợ 316,06 triệu đồng (chiếm 47,94% tổng nợ khó thu).

Bảng 2. 11. Tình hình nợ đọng, nợ khó thu tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn năm 2021-2023

TT	Nội dung	Đơn vị tính	2021	2022	2023
1	Số tiền nợ khó thu	triệu đồng	504,6	536,4	621,71
	<i>Nợ khó thu từ các doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>256,12</i>	<i>198,36</i>	<i>305,65</i>

TT	Nội dung	Đơn vị tính	2021	2022	2023
	<i>Nợ khó thu từ các doanh nghiệp đã cưỡng chế hóa đơn liên tiếp từ 3 lần trở</i>	triệu đồng	248,48	338,04	316,06
2	Tỷ lệ nợ khó thu trên tổng nợ	%	36	55	47,63
3	Số tiền nợ thuế TNDN	triệu đồng	4.403,40	3.124,15	1.305,30
4	Tỷ lệ nợ thuế TNDN trên Tổng thu thuế TNDN	%	15,64	11,55	4,14
	Tổng thu thuế TNDN	triệu đồng	28.163,12	27.054,99	31.501,59

Nguồn: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Năm 2021, số tiền nợ thuế TNDN là 4.403,40 triệu đồng (chiếm 15,64% so với tổng thu thuế TNDN năm 2021), giảm xuống 3.124,15 tỷ đồng năm 2022. Đến năm 2023, số tiền nợ thuế thu nhập chỉ còn 1.305,3 triệu đồng (chiếm 4,14% so với tổng thu thuế TNDN năm 2023). Hơn nữa, trong giai đoạn năm 2021- 2023, không có số tiền thuế TNDN đã nộp NSNN đang chờ điều chỉnh.

Kết quả sự hài lòng của doanh nghiệp về thực trạng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN như sau.

Bảng 2. 12. Đánh giá của doanh nghiệp về thực trạng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện										Điểm trung bình	Thứ bậc
		5		4		3		2		1			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Việc quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN tuân thủ quy định của pháp luật	56	27,05	66	31,88	49	23,67	28	13,53	8	3,86	3,65	1
2	Đôn đốc phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong việc quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN	28	13,53	68	32,85	54	26,09	24	11,59	33	15,94	3,16	2
3	Chi cục thuế đã có những chính sách, giải pháp	23	11,11	73	35,27	55	26,57	18	8,70	38	18,36	3,12	3

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện										Điểm trung bình	Thứ bậc	
		5		4		3		2		1				
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
	đề cương chế nợ thuế TNDN hiệu quả													
Trung bình chung												3,31		

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Kết quả đánh giá có điểm trung bình chung là 3,31 điểm. Trong đó tiêu chí “Việc quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN tuân thủ quy định của pháp luật” có đánh giá cao nhất đạt 3,65. Tiêu chí “Chi cục thuế đã có những chính sách, giải pháp đề cương chế nợ thuế TNDN hiệu quả” thấp nhất đạt 3,12 điểm, thể hiện qua số tiền nợ thuế TNDN tính đến thời điểm 31/12 hàng năm từ năm 2021 - 2023 có sự giảm xuống tuy nhiên con số vẫn còn cao. Chi cục Thuế chưa tiến hành triển khai quyết liệt công tác thu nợ từ ngay những tháng đầu năm, chưa nghiêm túc việc tính phạt chậm nộp tiền thuế, chưa kiên quyết thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ đối với những doanh nghiệp chây ì để nợ đọng thuế kéo dài. Có nhiều trường hợp, chi cục thuế chưa kịp thời chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để thu hồi các khoản nợ khó thu.

2.3. Đánh giá hoạt động quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

2.3.1. Ưu điểm

Về tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế: Bộ phận Tuyên truyền – Hỗ trợ NNT tại Chi cục thực hiện ban hành văn bản tuyên truyền về các điểm mới hoặc các chính sách thuế mới đến doanh nghiệp trên địa bàn một cách kịp thời thông qua nhiều hình thức như đăng trên fanpage, trên nhóm hỗ trợ Zalo. Cán bộ thuế còn thường xuyên thực hiện tuyên truyền, trao đổi với NNT nhằm làm rõ các vấn đề trong các văn bản quy phạm pháp luật về thuế. Chi cục đã kịp thời gửi tham mưu bằng văn bản đến cơ quan quản lý cấp trên (Cục Thuế tỉnh) về những bất cập trong quá trình áp dụng chính sách thuế trong thực tiễn và hướng giải quyết của chi cục. Chi cục chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn và thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện tốt chế độ quản lý và sử dụng hóa đơn, chứng từ. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng trong việc quản lý thuế TNDN.

Về quản lý việc khai thuế, nộp thuế: Việc quản lý kê khai, nộp thuế được bộ phận Kê khai – Kế toán Thuế và Tin học cùng với bộ phận Quản lý nợ và cưỡng chế nợ

Thuế thực hiện nghiêm ngặt để đảm bảo các doanh nghiệp nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế đầy đủ, đúng hạn vào NSNN (NSNN), tránh tình trạng nợ đọng thuế. Tại bộ phận Kế khai – Kế toán Thuế và Tin học, các cán bộ thuế thuộc Chi cục Thuế thành phố luôn tuân thủ và thực hiện đủ các bước của quy trình kê khai và kế toán thuế. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng luôn công khai rõ ràng các quy định và quy trình liên quan đến thuế TNDN để đảm bảo NNT có thể dễ dàng nắm bắt và tuân thủ. Việc quản lý việc khai thuế, nộp thuế TNDN cũng được sử dụng công nghệ thông tin thông qua việc kê khai và nộp thuế điện tử. Chi cục Thuế thành phố đã ứng dụng các phần mềm được phát triển bởi Tổng cục Thuế như Cơ sở dữ liệu NNT, thuế điện tử dành cho cán bộ thuế,... trong việc quản lý thuế TNDN

Về kiểm tra thuế: Công tác kiểm tra thuế được tăng cường và chú trọng, nâng cao ý thức chấp hành của NNT, giảm thiểu tối đa tình trạng NNT có hành vi gian lận thuế, nhằm tăng nguồn thu vào NSNN. Mở các cuộc kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất đối với các doanh nghiệp có rủi ro về hóa đơn để kịp thời phát hiện và xử lý. Các cán bộ thuộc Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng cũng thường xuyên kiểm tra, đối chiếu tổng doanh thu trên tờ khai TNDN với tổng doanh thu trong năm trên tờ khai thuế giá trị gia tăng để kịp thời phát hiện những bất cập hoặc biến động lớn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Số doanh nghiệp thực hiện kiểm tra lại giảm qua từng năm, số doanh nghiệp phát hiện sai phạm về thuế TNDN cũng giảm, giá trị của các vi phạm lại có xu hướng giảm dần theo các năm, và số tiền sai sót của mỗi doanh nghiệp cũng không còn lớn như trước

Về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: Các cán bộ thực hiện gửi thông báo nợ thuế kịp thời, thực hiện đôn đốc NNT nộp số thuế còn nợ vào NSNN. Số tiền nợ thuế TNDN tính đến thời điểm 31/12 hàng năm từ năm 2021 – 2023 có sự giảm mạnh. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng áp dụng đa dạng các hình thức như gửi thông báo nợ, cưỡng chế hóa đơn, cưỡng chế tài khoản ngân hàng và phối hợp với các cơ quan chức năng khác,... để đảm bảo nguồn thu đúng, thu đủ, giảm tối đa trường hợp chây ì, nợ đọng tiền thuế.

2.3.2. Hạn chế

Trong giai đoạn năm 2021 – 2023, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác quản lý thuế TNDN, tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đó, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng còn gặp những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong quản lý thuế TNDN trên địa bàn. Một số hạn chế có thể kể đến như:

Về tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế: công tác tuyên truyền, hướng dẫn NNT về các trường hợp được ưu đãi thuế TNDN chưa được chú trọng. Số lượng cán bộ có chuyên môn phục vụ cho nhiệm vụ này còn thiếu. Các phương pháp hình thức tuyên truyền chưa phong phú đa dạng. Chưa tận dụng hết sự phát triển của CNTT trong việc tuyên truyền và hỗ trợ NNT, các văn bản chính sách pháp luật thuế mới chưa được kịp thời trên website của chi cục. Chi cục thuế chưa quan tâm đến việc phân loại nhu cầu của NNT, xu hướng và mức độ tuân thủ để có cách tuyên truyền hiệu quả

Về quản lý việc khai thuế, nộp thuế: Số lượng doanh nghiệp tăng nhanh gây áp lực không nhỏ cho hoạt động quản lý kê khai, nộp thuế TNDN. Số lượng cán bộ thực hiện quản lý kê khai, nộp thuế TNDN còn thiếu, nhiều cán bộ vẫn phải làm việc kiêm nhiệm. Chi cục thuế nhiều thời điểm chưa nắm bắt ngay thông tin doanh nghiệp mới và số lượng doanh nghiệp vắng lai trên địa bàn. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng chưa phân công cán bộ chuyên biệt thực hiện theo dõi và đăng công khai các quy định và quy trình liên quan đến thuế TNDN theo các chuyên mục lên trang thông tin điện tử ngành thuế. Nhiều thời điểm các cán bộ chưa kịp thời nắm bắt số lượng tờ khai đã nộp vào hệ thống, số lượng tờ khai không vào được hệ thống do lỗi của NNT để kịp thời hướng dẫn NNT kê khai, sửa đổi bổ sung hồ sơ khai thuế đúng theo quy định. Do đó có những thời điểm chưa quan tâm sát sao, đôn đốc xử lý hồ sơ quyết toán thuế kịp thời, đúng quy định. Nhiều doanh nghiệp mới thành lập còn gặp khó khăn trong thực hiện kê khai thuế qua mạng, Chi cục thuế vẫn chưa có phương án hỗ trợ các doanh nghiệp này.

Về kiểm tra thuế: Cơ sở dữ liệu NNT chưa được cập nhật liên tục, đầy đủ, kịp thời và chính xác với sự hỗ trợ từ công nghệ thông tin hiện đại; Việc xử lý các trường hợp vi phạm chưa được thực hiện một cách nghiêm túc và dứt khoát, vẫn còn tình trạng “nể nang” NNT. Số lượng cán bộ kiểm tra còn thiếu, chưa được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn thường xuyên, một số cán bộ có hiện tượng không cập nhật kịp thời những thay đổi mới nhất trong lĩnh vực kế toán và phân tích báo cáo tài chính. Vẫn còn doanh nghiệp phản ánh rằng một số cán bộ thuế có hành vi sách nhiễu, cậy chức cậy quyền, tùy tiện khi thi hành công vụ. Một số cuộc kiểm tra vẫn còn có hiện tượng doanh nghiệp bị kiểm tra trùng nội dung trong năm. Chi cục chưa sử dụng các loại hình, phương pháp kiểm tra khác nhau tùy từng trường hợp cụ thể, chưa phân loại quản lý theo quy mô hoạt động.

Về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: Tỷ lệ nợ đọng, nợ khó thu tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng còn lớn. Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế chưa thật tốt, chưa giảm bớt nợ đọng để tăng cường nguồn thu cho NSNN. Chi cục thuế chưa thực hiện giao chỉ tiêu đối với việc thu nợ thuế đối với từng Đội thuế, từng cán bộ tham gia

công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ. Chi cục Thuế chưa tiến hành triển khai quyết liệt công tác thu nợ từ ngay những tháng đầu năm, chưa nghiêm túc việc tính phạt chậm nộp tiền thuế, chưa kiên quyết thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ, đối chưa kịp thời chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để thu hồi các khoản nợ khó thu.

2.3.3. Nguyên nhân hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân đến từ cơ quan thuế

Hệ thống chính sách thuế, pháp luật thuế: Chính sách thuế phức tạp và thay đổi liên tục cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc cập nhật và tuân thủ các quy định mới. Quy trình lập pháp và điều chỉnh chính sách thuế không ổn định, thường xuyên thay đổi để đáp ứng các yêu cầu kinh tế, xã hội khác nhau. Điều này tạo ra gánh nặng về quản lý và chi phí cho doanh nghiệp khi phải điều chỉnh hệ thống kế toán và báo cáo tài chính theo các quy định mới. Bên cạnh đó, sự phức tạp trong cấu trúc của chính sách thuế, với nhiều quy định và điều kiện khác nhau, làm tăng khả năng sai sót trong quá trình kê khai và nộp thuế. Thiếu các hướng dẫn cụ thể và kịp thời từ cơ quan thuế cũng là một nguyên nhân, khiến doanh nghiệp không nhận được sự hỗ trợ cần thiết để tuân thủ đúng các quy định pháp luật.

Tổ chức bộ máy và nhân sự của CQT: Năng lực của cán bộ thuế còn hạn chế, thiếu kỹ năng và kinh nghiệm trong việc kiểm tra, đối chiếu thông tin kê khai, làm tăng nguy cơ sai sót và gian lận trong kê khai thuế. Bên cạnh đó, hệ thống quản lý thuế thường xuyên thay đổi, cập nhật, nhưng các tài liệu hướng dẫn nâng cấp chưa đủ rõ ràng, gây khó khăn cho cán bộ trong việc thực hiện các quy trình quản lý thuế trên hệ thống.

Cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ của CQT: Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa được đầu tư đầy đủ, dẫn đến việc thiếu các công cụ hiện đại để hỗ trợ công tác quản lý thuế. Hơn nữa, hệ thống dữ liệu còn phân tán và không đồng bộ, gây khó khăn trong việc tổng hợp và phân tích thông tin tài chính của doanh nghiệp. Điều này làm giảm hiệu quả của quá trình giám sát và kiểm tra thuế, từ đó tăng nguy cơ sai sót và gian lận. Bên cạnh đó, việc thiếu nguồn lực và kinh phí để nâng cấp, bảo trì hệ thống cũng là một nguyên nhân quan trọng, khiến các phần mềm và ứng dụng quản lý thuế trở nên lạc hậu và không đáp ứng được yêu cầu thực tế.

2.3.3.2. Các nguyên nhân đến từ bên ngoài cơ quan thuế

Nguyên nhân đến từ người nộp thuế: Một số doanh nghiệp thiếu ý thức tuân thủ, cố tình che giấu doanh thu và chi phí nhằm giảm số thuế phải nộp. Hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, còn

yếu kém, dẫn đến thông tin tài chính không chính xác và không đầy đủ. Thiếu minh bạch trong hoạt động kinh doanh, sử dụng hóa đơn giả, hóa đơn không để hợp thức hóa chi phí không có thật. Doanh nghiệp muốn giảm thiểu chi phí thuế để tăng lợi nhuận, dẫn đến việc sử dụng các biện pháp gian lận như khai báo doanh thu thấp hơn thực tế, khai khống chi phí hoặc sử dụng hóa đơn giả.

Sự phối hợp trao đổi thông tin giữa các sở, ban, ngành và CQT: Hệ thống liên thông giữa cơ quan thuế và sở kế hoạch và đầu tư chưa được tốt, cơ quan thuế đã gửi văn bản về các trường hợp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký sang sở kế hoạch và đầu tư nhưng chưa được sở kế hoạch và đầu tư lưu tâm. Nhiều doanh nghiệp đóng mã số thuế ở trạng thái NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký vẫn có thể thực hiện tạm ngừng kinh doanh và giải thể doanh nghiệp.

CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CAO BẰNG

3.1. Định hướng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng trong giai đoạn 2025 – 2030

3.1.1. Mục tiêu quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Triển khai có hiệu quả các chính sách của Chính phủ, chỉ đạo của Tổng cục Thuế, Cục Thuế tỉnh Cao Bằng, UBND Thành phố về các giải pháp thực hiện dự toán NSNN trong các năm tiếp theo; triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý thuế, tăng cường công tác kiểm tra; thực hiện các biện pháp quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế; phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu hàng năm được giao.

Nâng cao chỉ số tuân thủ của NNT thể hiện qua các chỉ số như tỷ lệ tờ khai đã nộp/phải nộp, tờ khai nộp đúng hạn/đã nộp. Nâng chỉ số tờ khai đã nộp/phải nộp lên 99% trong giai đoạn năm 2025 – 2030, tiến đến 100% doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN.

Nâng cao tỷ lệ tờ khai đúng hạn/đã nộp cũng được tăng lên từ 96,87% trong năm 2023 lên 98% trong giai đoạn năm 2025 – 2030, tiến đến 99% doanh nghiệp nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN đúng hạn và không còn doanh nghiệp có sai lỗi số học trên tờ khai thuế TNDN. Đồng thời, giảm số doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính do nộp hồ sơ khai thuế quá hạn.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành của Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN; thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đẩy mạnh công tác triển khai Etax Mobile, đưa nộp thuế điện tử đến từng NNT không chỉ riêng doanh nghiệp mà còn có các cá nhân kinh doanh và không kinh doanh.

Triển khai chú trọng vào các hộ kinh doanh, thực hiện bản đồ số hộ kinh doanh, tránh thất thu ở các hộ kinh doanh khoán trong điều kiện tiến tới kết thúc hợp đồng ủy nhiệm thu với bưu điện.

3.1.2. Định hướng tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Trong giai đoạn 5 năm tiếp theo, công tác quản lý thuế TNDN trên địa bàn thành phố Cao Bằng tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng có những định hướng cụ thể như: nâng cao chỉ số tuân thủ của NNT, cải thiện chỉ số tuyên truyền – hỗ trợ NNT, tăng cường chỉ số kiểm tra, sát sao hơn trong việc quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

Một là, tăng cường công tác quản lý nội ngành, tăng cường kỷ cương kỷ luật, đổi mới phương pháp lề lối làm việc nâng cao hiệu quả công tác, củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức.

Hai là, tiếp tục tăng trưởng các chỉ tiêu liên quan đến chỉ số tuyên truyền – hỗ trợ NNT của Chi cục Thuế thành phố, tăng mức độ hài lòng của NNT đối với công tác tuyên truyền – hỗ trợ NNT. Nâng cao chất lượng trả lời những vướng mắc của doanh nghiệp qua điện thoại, qua ứng dụng Zalo và trực tiếp tại chi cục, tăng cường tuyên truyền, tập huấn về pháp luật thuế, giảm thiểu số lượt doanh nghiệp làm công văn giải đáp thắc mắc gửi đến chi cục thuế.

Ba là, tăng cường chỉ số kiểm tra thuế, nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác kiểm tra thuế, thay đổi chiến lược kiểm tra từ các doanh nghiệp nhỏ có sai sót ít sang những doanh nghiệp lớn hơn với tỷ lệ rủi ro cao hơn, nhằm tăng số thuế TNDN thu được sau những cuộc kiểm tra, tăng số doanh nghiệp được kiểm tra trong năm và tăng cường hiệu quả của các cuộc kiểm tra thuế.

Bốn là, sát sao hơn trong việc quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế. Tuy trong những năm vừa qua, Chi cục Thuế thành phố đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế. Tuy nhiên vẫn còn trường hợp các doanh nghiệp có nợ đọng, nợ khó thu còn cao, chiếm gần 50% tổng nợ tính đến thời điểm 31/12/2023, trong thời gian tới, Chi cục Thuế thành phố sẽ cố gắng làm giảm tỷ lệ nợ khó thu, cũng như tỷ lệ nợ hàng năm, áp dụng các biện pháp thu nợ triệt để và mạnh tay hơn.

3.2. Giải pháp tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

3.2.1. Hoàn thiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT

Căn cứ đề xuất giải pháp

Hiện tại, việc kê khai, tính thuế, nộp thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng còn tồn tại nhiều vấn đề do doanh nghiệp chưa nắm rõ quy trình kê khai thuế, giá trị từ chính khoản thuế đóng góp; chưa hiểu biết về các chính sách thuế; chưa nhận thức đúng đắn về trách nhiệm và nghĩa vụ phải kê khai nộp thuế của bản thân. Vì vậy, đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho doanh nghiệp để giúp doanh nghiệp nắm bắt được các quy định về chính sách thuế nhất là khi chuyển đổi từ cơ chế chuyên quản sang cơ chế tự khai tự nộp.

Nội dung giải pháp

Bổ sung và điều động thêm cán bộ hỗ trợ cho công tác Tuyên truyền hỗ trợ NNT. Xây dựng mạng lưới thông tin, tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện hiện đại và miễn phí nhằm tiếp cận được mọi đối tượng NNT, giúp doanh nghiệp biết được những hậu quả mình gặp phải, cũng như các biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với những trường hợp kê khai sai, hoặc cố ý kê khai sai nhằm trốn thuế, lách thuế. Từ đó, doanh nghiệp có ý thức tự nguyện tuân thủ pháp luật về thuế.

Tuyên truyền hỗ trợ NNT thông qua phân loại đối tượng cụ thể để nâng cao hiệu suất làm việc. Cụ thể, có thể thông qua việc phân tích về nhu cầu của NNT, xu hướng và mức độ tuân thủ, từ đó đưa ra cách tiếp cận phù hợp và hiệu quả cho từng nhóm. Trong nhóm đối tượng nộp thuế phân loại theo quy mô, nhóm nhỏ và siêu nhỏ là nhóm cần được quan tâm hơn do chiếm tỷ trọng cao đến 87% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn.

Công khai giải đáp các thắc mắc bằng nhiều phương tiện như: niêm yết tại trụ sở cơ quan thuế, đăng thông tin trên máy kiosk điện tử, trang thông tin điện tử chính thống của Chi cục... Công khai về trình tự tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc của NNT trực tiếp tại bộ phận một cửa, qua điện thoại, qua văn bản hay qua thư điện tử. Các thông tin về ý kiến của NNT, tên cán bộ hỗ trợ, trả lời thắc mắc cũng đều phải được công khai để NNT được biết và quy trách nhiệm đúng đối tượng. Từ đó, cán bộ có trách nhiệm tìm hiểu sâu về chính sách thuế để giải đáp thắc mắc hay tuyên truyền chính sách một cách chính xác, chi tiết, hệ thống và dễ hiểu, đúng quy định.

Tăng cường việc cung cấp các văn bản pháp luật thuế, các tờ rơi ngắn mô tả ngắn gọn về chính sách, pháp luật thuế. Tư vấn trực tiếp tại Chi cục Thuế, giải đáp các vướng mắc về thuế thông qua điện thoại, tổ chức đối thoại, tọa đàm về những vấn đề liên quan đến thuế TNDN. Từ đó, hiểu và giải đáp kịp thời cũng như xin ý kiến cấp trên về những vấn đề chưa gặp để có thể giải đáp cho NNT.

Tăng cường ứng dụng CNTT vào tuyên truyền và hỗ trợ NNT, trả lời qua email điện tử của NNT, qua website của cơ quan thuế, cập nhật chính xác thông tin văn bản có ngày, giờ trả lời rõ ràng giúp NNT tiện theo dõi và lưu trữ thông tin. Cùng với đó, đăng tải các video tuyên truyền chính sách thuế, hướng dẫn kê khai, giải đáp thắc mắc của NNT thông qua các trang mạng xã hội để NNT có cùng thắc mắc được giải quyết và tiết kiệm thời gian cho cơ quan thuế.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung bao gồm các văn bản chính sách pháp luật thuế được cập nhật mới, hợp nhất, còn hiệu lực thi hành với nội dung phong phú, dễ dàng cho NNT tiếp cận và tra cứu.

Dự kiến kết quả của giải pháp

Thực hiện tốt giải pháp này, ý thức tuân thủ pháp luật thuế của NNT ngày càng được nâng lên, vừa góp phần vào việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch thu NSNN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.

3.2.2. Tăng cường quản lý kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ đề xuất giải pháp

Đề đề xuất giải pháp căn cứ vào số liệu liên quan đến tình hình kê khai và nộp thuế TNDN tại chi cục thuế trong thời gian gần đây. Bên cạnh đó là các thách thức và khó khăn mà họ gặp phải trong quá trình kê khai và nộp thuế từ các doanh nghiệp về. Cũng như các hạn chế mà Chi cục Thuế Cao Bằng gặp phải trong quá trình quản lý kê khai, nộp thuế TNDN.

Nội dung giải pháp

Rà soát cơ sở dữ liệu đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời. Phân công nhiệm vụ đến từng cán bộ công chức kiểm soát các giao dịch phát sinh và xử lý dữ liệu đúng quy định. Các bộ phận chủ động phối hợp xử lý dứt điểm các trường hợp cố tình làm sai lệch dữ liệu. Kịp thời phát hiện những trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ khai thuế không đầy đủ, có lỗi sai khiến hồ sơ khai thuế không vào được hệ thống như: hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN thiếu báo cáo tài chính, chọn sai ngành nghề kinh doanh chính, chọn sai trường hợp quyết toán, thiếu phụ lục,... để đơn đốc doanh nghiệp sửa và tiến hành nộp hồ sơ khai thuế kịp thời. Kiên quyết xử phạt đối với các trường hợp nộp chậm hồ sơ khai thuế, tạo tính răn đe đến doanh nghiệp, nâng cao ý thức chấp hành của doanh nghiệp.

Đề xuất, sửa đổi, nâng cấp phần mềm theo dõi quản lý thuế cho phù hợp với thực tiễn nhằm quản lý chính xác, kịp thời số thuế phát sinh, nợ đọng cũng như số thuế TNDN

phải nộp sau kỳ quyết toán. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ thuế trong việc quản lý thuế TNDN.

Phân công cán bộ quản lý theo dõi kết quả công khai thông tin trên trang thông tin điện tử ngành thuế: theo chuyên mục, hướng dẫn các đơn vị duy trì cung cấp, cập nhật thông tin. Các thông tin công khai gồm: Thông tin về các thủ tục hành chính; Danh sách doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế thực hiện mua hóa đơn; Quyết định về cưỡng chế và thông báo hóa đơn hết giá trị sử dụng; Tra cứu thông tin về hóa đơn; Cập nhật trạng thái nhận/ trả văn bản hỏi đáp về chính sách thuế;...Bổ sung hoặc thay thế máy chủ cấu hình cao, hiện đại và đồng bộ phục vụ công tác lâu dài.

Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh số lượng doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế qua mạng. Tiếp tục duy trì 100% NNT đủ điều kiện, đặc biệt là các doanh nghiệp mới thành lập, thực hiện khai thuế qua thuế điện tử. Phân công trách nhiệm cho các bộ phận, cá nhân chịu trách nhiệm theo dõi tình trạng, và đưa ra biện pháp kịp thời (nếu có). Hỗ trợ nhiệt tình các trường hợp doanh nghiệp nộp tờ khai bị lỗi hệ thống, lỗi đường truyền. Liên kết với bộ phận kiểm tra thuế để rà soát các trường hợp doanh nghiệp thường xuyên vi phạm pháp luật thuế. Đối với các trường hợp này cần phải kiểm tra hồ sơ khai thuế chặt chẽ, xử lý nghiêm khắc.

Chi cục cũng nên bổ sung thêm số lượng cán bộ thực hiện quản lý kê khai, nộp thuế TNDN, giảm áp lực về thời gian và công việc cho nhân lực. Cử cán bộ thuế theo dõi sát sao tình hình kê khai, nộp thuế vào NSNN. Qua đó nắm bắt nhanh chóng số liệu nộp thuế của doanh nghiệp, trường hợp cần điều chỉnh khi doanh nghiệp nộp sai tiểu mục, sai nội dung kinh tế thì liên hệ ngay để không phát sinh số thuế chậm nộp.

Hiện nay, số lượng doanh nghiệp tăng nhanh gây áp lực không nhỏ cho hoạt động quản lý kê khai, nộp thuế TNDN. Để đảm bảo số lượng doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế TNDN đầy đủ, Chi cục Thuế cần tăng cường theo dõi, kiểm soát chặt chẽ hồ sơ khai thuế theo từng tháng, quý, năm. Phân loại hồ sơ đăng ký thuế của doanh nghiệp theo từng ngành nghề để dễ nắm bắt và quản lý. Đồng thời, tăng cường phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để nắm bắt ngay thông tin doanh nghiệp mới ra hoạt động và cập nhật các thay đổi của doanh nghiệp cũ, góp phần thiết lập hệ thống dữ liệu về doanh nghiệp trên địa bàn một cách hoàn chỉnh, tạo điều kiện cho hoạt động quản lý thuế diễn ra một cách thuận lợi. Cần kiểm tra các doanh nghiệp vắng lai trên địa bàn để kịp thời truy thu số tiền thuế TNDN cho các hoạt động vắng lai của doanh nghiệp đó trên địa bàn thành phố Cao Bằng, tránh thất thu thuế TNDN.

Khi tiếp nhận xử lý hồ sơ hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, cán bộ thuế cần phân loại đối tượng từ hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành, nhất là các hồ sơ hoàn thuế để có thể lựa chọn hình thức hoàn thuế phù hợp như kiểm tra trước - hoàn sau hoặc hoàn trước – kiểm tra sau. Điều này giúp cơ quan thuế kiểm soát được hồ sơ hoàn, đồng thời còn tạo điều kiện cho doanh nghiệp xoay vòng vốn nhanh, có đủ vốn để đầu tư cơ bản, sản xuất hàng hóa.

Dự kiến kết quả của giải pháp

Thực hiện tốt giải pháp này, tạo môi trường thuận lợi để NNT thực hiện việc kê khai, tính nộp thuế đúng quy định, tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ thuế, thúc đẩy đầu tư mạnh mẽ, nâng cao chỉ số cạnh tranh cũng như mức độ hài lòng của NNT đối với các dịch vụ.

3.2.3. Tăng cường kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ đề xuất giải pháp

Hiện nay, các doanh nghiệp ngày càng trở nên đa dạng, cơ cấu hoạt động phức tạp, cũng vì vậy các thủ đoạn để trốn thuế cũng ngày càng trở nên tinh vi hơn. Đẩy mạnh kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý thuế TNDN giữ vị trí quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế TNDN để đáp ứng theo yêu cầu của cơ chế quản lý thuế hiện đại dựa theo sự tuân thủ, tự nguyện của NNT. Thông qua kiểm tra, thanh tra NNT cán bộ thuế mới nắm rõ được tình hình hạch toán và kê khai nộp thuế TNDN của NNT có chính xác và đúng đắn không. Bởi vậy công tác thanh tra, kiểm tra thuế trong điều kiện hiện nay ở Chi cục Thuế phải đặt ở tầm cao hơn, chuyên sâu hơn, hiệu quả hơn và phạm vi điều chỉnh rộng hơn.

Nội dung giải pháp

Thay đổi chiến lược kiểm tra từ việc lập kế hoạch và lựa chọn đối tượng kiểm tra dựa vào tiêu thức đánh giá rủi ro. Sử dụng các loại hình, phương pháp kiểm tra khác nhau tùy từng trường hợp cụ thể. Kế hoạch kiểm tra phải phân loại quản lý theo quy mô hoạt động (doanh thu, số thuế phải nộp hàng năm), tập trung vào các doanh nghiệp ba năm hoạt động liên tiếp không phát sinh doanh thu, tránh việc doanh nghiệp cố tình kê khai sai nhằm trục lợi bất chính thông qua hành vi trốn thuế.

Công tác kiểm tra phải đảm bảo doanh nghiệp không bị kiểm tra trùng lặp bởi các cấp khác nhau và không bị kiểm tra quá 01 lần cùng một nội dung trong một năm trừ trường hợp kiểm tra bất thường trong trường hợp có chứng cứ vi phạm pháp luật thuế.

Kịp thời thay thế các doanh nghiệp không đủ điều kiện nêu trên trong kế hoạch kiểm tra thành doanh nghiệp khác và tạm hoãn kiểm tra các doanh nghiệp này đến năm tiếp theo.

Hoạt động kiểm tra thuế cần đảm bảo về số lượng cán bộ, theo đó cán bộ làm hoạt động kiểm tra thuế phải đạt từ 30 đến 35% tổng cán bộ công chức trong Chi cục. Khối lượng công việc nhiều, đối tượng quản lý đa dạng và phức tạp nên Chi cục thuế cần bổ sung thêm nhân sự cho đội kiểm tra. Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho đội ngũ kiểm tra thuế để chuyên theo dõi, kiểm soát, cần tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ công chức thuế trong quá trình thực thi công vụ, chú trọng vào những khâu có rủi ro, nhằm phát hiện kịp thời và kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Bổ sung và cập nhật những thay đổi mới nhất trong lĩnh vực kế toán và phân tích báo cáo tài chính.

Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra thuế đảm bảo có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn. Chấn chỉnh hoạt động kiểm tra nội bộ, chống mọi hành vi sách nhiễu, cậy chức cậy quyền, tùy tiện khi thi hành công vụ, kịp thời chấn chỉnh sai phạm dẫn đến thất thu thuế TNDN của cán bộ. Hoạt động kiểm tra nội bộ chủ yếu kiểm tra đạo đức, tác phong làm việc, việc chấp hành kỷ cương của cán bộ Thuế. Xử phạt nghiêm các trường hợp cán bộ hạch sách, gây phiền hà cho DN, đòi hỏi vô lý hoặc cố tình thông đồng với doanh nghiệp nhằm chiếm dụng tiền thuế.

Thành lập ban chỉ đạo chống thất thu với các tổ kiểm tra gồm cán bộ của từ cấp cục đến chi cục để kiểm tra chéo các địa bàn. Tùy theo từng lĩnh vực ngành nghề, các cục thuế và các chi cục thuế phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập đoàn kiểm tra liên ngành đến kiểm tra trực tiếp tại trụ sở của NNT.

Cử cán bộ thuế xuống tận địa bàn, bám sát các DN, các cơ sở kinh doanh, nhà hàng, khách sạn vừa hướng dẫn việc kê khai thuế, vừa theo dõi hoạt động của các doanh nghiệp đó. Tiếp tục đẩy mạnh kiểm tra các doanh nghiệp với quy mô kinh doanh như: nguồn vốn, diện tích nhà xưởng kinh doanh, quy trình công nghệ, số lượng lao động thường xuyên làm việc, các phương tiện, tài sản tham gia kinh doanh, mua sắm trang thiết bị..

Hiệu quả của kế hoạch kiểm tra NNT phụ thuộc rất lớn vào hệ thống thông tin NNT, do đó cần xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu NNT phục vụ cho công tác kiểm tra. Cơ sở dữ liệu NNT phải được cập nhật liên tục, đầy đủ, kịp thời và chính xác với sự hỗ trợ từ công nghệ thông tin hiện đại. Đây là điểm đầu tiên trong quá trình đánh giá rủi ro, là thông tin chính để phân tích và xác định rủi ro, giúp ngành thuế hiểu biết toàn diện về ngành và NNT. Vì vậy, cần phải hoàn thiện việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của

ngành một cách đầy đủ, cập nhật kịp thời thông tin của doanh nghiệp, thông tin liên quan đến NNT như sau: Thông tin chung về NNT (loại hình kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính, cơ cấu tổ chức, chế độ kế toán áp dụng, hình thức hạch toán kế toán, vốn điều lệ, số lao động...). Thông tin về tính tuân thủ kê khai và nộp thuế: tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách của NNT (số lần vi phạm, số lần chậm nộp, số lần không nộp tờ khai... qua kiểm tra các năm). Thông tin từ bên thứ ba (kho bạc, Ngân hàng, Quản lý thị trường...). Thông tin khác từ báo, đài, từ khiếu nại, tố cáo, từ quần chúng nhân dân...

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra. Việc ứng dụng công nghệ thông tin cần được hoàn thiện theo hướng: nghiên cứu xây dựng phần mềm hỗ trợ công tác kiểm tra từ khâu thu thập, bổ sung cơ sở dữ liệu NNT, chuyển đổi dữ liệu để phân tích, đánh giá, xác định mức độ rủi ro về thuế...; việc ứng dụng công nghệ thông tin đòi hỏi đi kèm với nó là hiểu biết và sự thành thạo của cán bộ thuế về tin học.

Ngoài ra, công tác xử lý các vi phạm sau kiểm tra thuế cần được tăng cường hơn và mang tính răn đe hơn. Việc xử lý các trường hợp vi phạm cần phải được thực hiện một cách nghiêm túc và dứt khoát. Các đối tượng nộp thuế sẽ phải có trách nhiệm nộp phạt đúng thời hạn và đúng số tiền bị phạt. Nếu như có những hành vi chống đối thì cần có sự can thiệp ngay lập tức của cơ quan công an. Việc xử phạt thật nghiêm minh sẽ là điều kiện quan trọng để giảm bớt các trường hợp vi phạm.

Dự kiến kết quả của giải pháp

Kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý thuế TNDN đóng vai trò quan trọng trong công tác thu thuế nhằm bảo đảm tính công bằng trong xã hội và sự công minh của pháp luật, làm tăng ý thức chấp hành nghĩa vụ thuế của NNT cũng như trách nhiệm của công chức trong việc quản lý thuế, góp phần ngăn chặn và phòng ngừa tình trạng tiêu cực, gian lận tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp trên địa bàn.

3.2.4. Tăng cường quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Căn cứ đề xuất giải pháp

Nợ đọng thuế là một trong những tiêu chí đóng vai trò trọng yếu trong quản lý thuế, đánh giá năng lực cũng như tình hình tài chính của NNT. Giải pháp được đề xuất căn cứ vào các hạn chế như cơ quan thuế chưa thực hiện đúng các quy trình quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế, chưa làm hết trách nhiệm, sát sao, kịp thời, liên tục thực hiện đôn

độc thu nợ, công khai thông tin nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế theo quy định của pháp luật.

Nội dung giải pháp

Đề động viên kịp thời nguồn thu vào NSNN, khắc phục tình trạng nợ đọng thuế, Chi cục Thuế cần tiến hành triển khai quyết liệt công tác thu nợ từ ngay những tháng đầu năm. Kết hợp chặt chẽ với các đội, bộ phận khác trong chi cục nhằm thu nợ kịp thời đối với các trường hợp nợ thuế nhưng phát sinh các giao dịch mua bán tài sản. Thực hiện nghiêm túc việc tính phạt chậm nộp tiền thuế, kiên quyết thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ đối với những doanh nghiệp chây ì để nợ đọng thuế kéo dài.

Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để thu hồi các khoản nợ khó thu, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với ngân hàng, kho bạc. Đối với những trường hợp cưỡng chế nợ qua tài khoản ngân hàng, nên thực hiện gửi cho ngân hàng trước khi gửi cho doanh nghiệp, tránh trường hợp doanh nghiệp kịp thời tất toán toàn bộ tiền trong tài khoản, nâng cao hiệu quả cưỡng chế nợ.

Tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch thu nợ chi tiết đối với NNT, có biện pháp xử lý cụ thể đối với các doanh nghiệp nợ thuế lớn, đôn đốc ngay khi có khoản nợ mới phát sinh, tránh tình trạng kéo dài nợ, gây khó khăn trong việc thu hồi nợ. Cương quyết thực hiện cưỡng chế nợ, công khai thông tin NNT không có ý định hoàn thành nghĩa vụ, không nộp tiền đúng hạn trên các kênh thông tin phương tiện truyền thông.

Thực hiện giao chỉ tiêu đối với việc thu nợ thuế đối với từng Đội thuế, từng cán bộ tham gia công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ. Giao Bộ phận Kế khai – Kế toán thuế và tin học hướng dẫn NNT kê khai, nộp thuế đúng quy định và đúng hạn để tránh phát sinh nợ mới. Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng trong công tác rà soát chứng từ tránh gây sai sót dẫn đến nợ kéo dài. Hướng dẫn NNT làm các thủ tục tra soát trong trường hợp NNT nộp nhầm tiểu mục trong năm ngân sách. Tập trung thực hiện tốt việc rà soát dữ liệu kê khai, kịp thời phát hiện những trường hợp kê khai dữ liệu chưa chính xác để đưa ra những biện pháp ngăn chặn sai sót. Kịp thời nhập các Quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế, Quyết định khoan xóa nợ, gia hạn nộp thuế được chuyển đến từ các bộ phận nhằm giảm số nợ chờ xử lý tại Chi cục Thuế. Giao Đội kiểm tra thuế dựa vào cơ sở dữ liệu kê khai nhập trên hệ thống quản lý thuế rà soát những NNT có tiền thuế nợ, phân loại nợ thuế theo đúng quy định, tránh nhầm lẫn giữa các nhóm nợ. Ngoài ra, cán bộ kiểm tra cần chỉ rõ nguyên nhân nợ kéo dài của NNT theo các tiêu chí cụ thể khách quan và chủ quan từ phía NNT.

Phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều tra, KBNN, ngân hàng thương mại, chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền khác... nắm bắt kịp thời các thông tin để theo dõi, phong tỏa tài khoản và có biện pháp phục vụ công tác quản lý thu trên địa bàn, đúng quy định.

Dự kiến kết quả của giải pháp

Với việc thực hiện giải pháp này một cách nghiêm túc và triệt để, Chi cục Thuế Cao Bằng kỳ vọng giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 3% tổng số thu của NSNN. Trên cơ sở đó, Chi cục Thuế nghiên cứu, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt ban hành các quy định về xử lý các khoản nợ thuế còn vướng mắc.

3.2.5. Các giải pháp khác

Tăng cường công tác đào tạo thường xuyên kiến thức quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp cho cán bộ công chức

Đưa ra kế hoạch bồi dưỡng cán bộ cụ thể với lộ trình rõ ràng và tần suất phù hợp. Tăng cường đào tạo chuyên sâu cho cán bộ thuế về các công tác quản lý thuế, nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi sai phạm của doanh nghiệp. Cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý thuế theo Luật quản lý thuế; nâng cao kỹ năng giao tiếp của công chức thuế khi giao tiếp với NNT. Tăng cường hỗ trợ kỹ năng mềm cho đội ngũ công chức như: Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng xử lý tổng hợp và phân tích dữ liệu, kỹ năng báo cáo, kỹ năng quản lý thời gian và sắp xếp công việc hiệu quả.

Liên tục tổ chức các buổi tập huấn thảo luận, cập nhật về các chính sách thay đổi, các vướng mắc về các văn bản, thông tư mới về quy trình nghiệp vụ và trao đổi kinh nghiệm làm việc, xử lý các vấn đề phát sinh; Hưởng ứng các cuộc thi nội bộ, phong trào sáng kiến kinh nghiệm của ngành nhằm phát huy tinh thần thi đua học tập, kịp thời khen thưởng, tạo động lực làm việc cho những công chức có thành tích tốt trong học tập, công tác.

Xây dựng các lớp cán bộ kế cận đáp ứng năng lực và trách nhiệm để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Thực hiện luân phiên, luân chuyển cán bộ đảm bảo nguyên tắc đúng người, đúng việc, nhằm nâng cao tính năng động sáng tạo, chống bảo thủ, trì trệ và khuyến khích cán bộ trong thực thi nhiệm vụ. Bố trí vị trí công việc cho công chức thuế dựa năng lực thực tế đáp ứng nhu cầu công việc nhằm nâng cao hiệu suất làm việc và chất lượng công tác.

Bố trí, sắp xếp lực lượng cán bộ một cách hợp lý theo trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác, trong đó cần tập trung bố trí đủ cán bộ cho các bộ phận chức năng. Mô hình tổ chức đội ngũ công chức tại chi cục thuế cụ thể như sau: Công chức đội kiểm tra chiếm 30% tổng số công chức toàn chi cục, bộ phận kê khai-kế toán thuế và tin học chiếm 20%, bộ phận tuyên truyền hỗ trợ NNT chiếm 15%, bộ phận thu và cưỡng chế nợ chiếm 15%, ban lãnh đạo quản lý chiếm 5% và 15% còn lại phân bổ cho các bộ phận khác. Định kỳ, chi cục thuế thực hiện luân chuyển công chức hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa việc lợi dụng chức vụ thông đồng với NNT nhằm trục lợi, gian lận thuế vì lợi ích cá nhân.

Đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, phân bổ chi phí công tác đào tạo hợp lý, khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân, tổ chức có thành tích nổi bật nhằm tạo động lực làm việc, phát huy mong muốn học hỏi, đổi mới, tâm huyết với ngành Thuế.

Điều kiện thực hiện các giải pháp trên: Để thực hiện thành công các giải pháp tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, cần đáp ứng các điều kiện sau: Cán bộ thuế cần được đào tạo chuyên sâu về các quy định thuế TNDN, kỹ năng phân tích và phát hiện vi phạm. Tăng số lượng cán bộ và phân công hợp lý để quản lý hiệu quả số lượng doanh nghiệp ngày càng tăng. Sử dụng các công cụ phần mềm, hệ thống phân tích dữ liệu để theo dõi, quản lý và phân loại các doanh nghiệp có rủi ro nợ thuế cao. Đưa ra các chính sách giảm, gia hạn thuế đối với doanh nghiệp gặp khó khăn thực sự (như bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh hoặc suy thoái kinh tế toàn cầu), đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm. Tăng cường tính minh bạch, công bằng trong thanh tra, kiểm tra thuế. Ưu tiên kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao nhằm tối ưu hóa nguồn lực quản lý.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Đối với Cơ quan Thuế quản lý

Định kỳ tiến hành tổ chức các cuộc đối thoại giữa Tổng cục Thuế với đại diện doanh nghiệp để trao đổi những vướng mắc trong thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đồng thời đưa ra những kiến nghị để hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản lý thuế.

Đề nghị tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, hiện đại hóa phương pháp quản lý thu thuế, tiếp tục nâng cấp trang bị máy móc phục vụ công tác, đường dẫn truyền dữ liệu hiện đại bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, không bị lỗi mỗi khi nâng cấp triển khai ứng dụng mới. Xây dựng các mẫu biểu đơn giản, dễ hiểu hơn, bỏ bớt các chỉ tiêu không cần thiết, hạn chế việc thay đổi mẫu biểu quá nhanh trong công tác báo cáo.

Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, cũng như ngành thuế Cao Bằng cần nhận được sự quan tâm và tạo điều kiện phối hợp hơn nữa của các cấp chính quyền như ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, phường, xã,... và các cơ quan chức năng trên địa bàn. Điều này tạo điều kiện cho việc thu NSNN của Chi cục Thuế thành phố diễn ra dễ dàng và có hiệu quả hơn.

Cần nghiên cứu, bổ sung và điều chỉnh các quy trình quản lý thuế phù hợp với luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Thống nhất một số biểu mẫu, văn bản tránh trường hợp một hồ sơ lập nhiều loại văn bản khác nhau. Ban hành những thông tư hướng dẫn cụ thể đối với luật thuế TNDN phù hợp với môi trường quản lý thuế hiện đại.

Nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin phù hợp, các ứng dụng hỗ trợ cán bộ thuế phù hợp với nhu cầu của cán bộ thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Tránh lập nhiều ứng dụng khác nhau, gây chồng chéo, phức tạp hóa công việc và quy trình làm việc của cán bộ thuế. Nâng cao chất lượng thông tin kết xuất từ những ứng dụng quản lý và cung cấp thông tin NNT.

3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính, Chính phủ, Quốc hội

Giảm thuế suất thuế TNDN: Việc giảm thuế suất thuế TNDN là một việc tất yếu phải thực hiện khi đất nước bước vào thời kỳ hội nhập và phát triển tạo điều kiện để doanh nghiệp tăng sức cạnh tranh của mình trên trường quốc tế. Giảm thuế suất thuế TNDN như đã nói ở trên sẽ mang lại cho doanh nghiệp tăng sức cạnh tranh đối với các doanh nghiệp nước ngoài.

Giảm thiểu các trường hợp miễn thuế, giảm thuế: Hiện nay, qua xem xét và sàng lọc đang có rất nhiều trường hợp được miễn, giảm thuế làm cho việc quản lý thuế TNDN trở nên phức tạp, tạo ra nhiều kẽ hở cho các doanh nghiệp tìm cách trốn thuế, làm xói mòn cơ sở thuế.

Sớm hoàn thiện cơ sở hạ tầng, pháp lý để triển khai đề án thanh toán không dùng tiền mặt làm tăng khả năng kiểm soát doanh thu doanh nghiệp cũng như hạn chế được sự phụ thuộc vào quá trình kê khai của doanh nghiệp đặc biệt là các hoạt động phi pháp như buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại, tham nhũng. Do vậy kiểm soát tốt được hình thức thanh toán của doanh nghiệp thông qua hệ thống ngân hàng sẽ giúp hạn chế được hành vi trốn doanh thu, kiểm soát dòng tiền luân chuyển của NNT.

Kiến nghị Quốc hội mở rộng quyền hạn cho cơ quan Thuế trực tiếp điều tra hạn chế việc phụ thuộc vào các cơ quan pháp luật khi xảy ra các trường hợp có nghi ngờ vi phạm pháp luật thuế.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh kinh tế phát triển phức tạp, quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giữ vai trò quan trọng trong việc quản lý thu NSNN. Những nỗ lực cải tiến trong công tác này đã góp phần gia tăng nguồn thu ngân sách và đảm bảo sự công bằng, minh bạch. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trong quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, vẫn tồn tại các hạn chế như tình trạng không nộp hồ sơ khai thuế, kê khai sai, trốn thuế, gian lận thuế, và thu hồi nợ chưa hiệu quả, bắt nguồn từ cơ chế quản lý chưa hoàn thiện, thiếu hụt nhân lực và hệ thống công nghệ thông tin còn hạn chế. Trên cơ sở vận dụng lý luận và nghiên cứu thực tế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng về quản lý thuế TNDN trong giai đoạn năm 2021 – 2023 trong thời gian qua, đề tài “*Tăng cường quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng*” đã giải quyết được những vấn đề cơ bản sau:

Làm sáng tỏ được các vấn đề lý luận về quản lý thuế TNDN, cùng với các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản lý thuế TNDN tại cơ quan thuế cấp huyện.

Phân tích được thực trạng quản lý thuế TNDN và đánh giá các kết quả đạt được trong việc quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2023. Từ đó nêu lên những khó khăn, tồn tại đồng thời chỉ rõ nguyên nhân của những khó khăn đó.

Đề xuất được một số giải pháp tăng cường quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng trong thời gian tới gồm: Hoàn thiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT; Tăng cường quản lý kê khai, nộp thuế TNDN; Tăng cường quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; Đẩy mạnh kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý thuế TNDN; Giải pháp khác là Tăng cường công tác đào tạo thường xuyên kiến thức quản lý thuế TNDN cho cán bộ công chức.

Trong điều kiện thời gian nghiên cứu và hiểu biết có hạn của bản thân về các vấn đề lý luận về quản lý thuế TNDN. Những giải pháp mà đề án đưa ra không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Kính mong quý thầy, cô trong hội đồng chỉ dẫn để đề án hoàn thiện hơn, có thể áp dụng vào thực tế quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Bất, Vũ Duy Hào (2002), *Giáo trình Quản lý thuế*, NXB Thống kê 2002
2. Bộ Tài chính (2014), Thông tư số: 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế Thu nhập doanh nghiệp
3. Chính phủ Việt Nam, (2015). “Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;”. Hà Nội.
4. Chính phủ Việt Nam (2018), Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Hà Nội.
5. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng (2021), *Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2021, Nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế cả năm 2022*.
6. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng (2022), *Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2022, Nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế cả năm 2023*.
7. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng (2023), *Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2023, Nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế cả năm 2024*.
8. Vũ Cương (2012), *Kinh tế và tài chính công*, NXB Thống kê, Hà Nội.
9. Vũ Thu Giang (1996), *Những vấn đề cơ bản về kinh tế học vĩ mô*, NXB Thống kê, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2008), *Giáo trình nghiệp vụ Thuế*, NXB. Tài chính
11. Đặng Văn Lâm (2012), *Lộ trình quản lý thuế*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
12. Vương Thị Thu Hiền và Lý Phương Duyên (2021), *Giáo trình thuế thu nhập*, NXB. Tài chính
13. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2018), *Giáo trình quản lý học*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
14. Võ Hồng Phúc (2007), *Giáo trình quản lý nhà nước*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM
15. Quốc Hội (2019), *Luật Quản lý Thuế ngày 13/6/2019*.
16. Quốc Hội (2020), *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH*
17. Quốc hội Việt Nam, (2015). *Luật số 83/2015/QH13* ngày 25/06/2015 về thuế thu nhập doanh nghiệp. Hà Nội

18. Tổng thư ký Quốc Hội (2022), *Văn bản hợp nhất số: 22/VBHN-VPQH Luật thuế TNDN*.
19. Lê Xuân Trường (2016), *Giáo trình quản lý thuế*, NXB. Tài chính.
20. Đặng Văn Thanh (2015), “*Một số vấn đề về quản lý và điều hành thuế doanh nghiệp*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Lệ Thúy, Bùi Thị Hồng Việt (2019), *Giáo trình chính sách công*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT

Về sự hài lòng của doanh nghiệp đối với các hoạt động quản lý thuế TNDN của Chi cục thuế

Xin chào Quý Ông/Bà.

Hiện nay tôi đang thực hiện đề tài “**Tăng cường quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng**”, xin Ông/Bà vui lòng cung cấp một số thông tin theo những câu hỏi dưới đây.

Xin cảm ơn Ông/Bà đã nhận lời tham gia khảo sát của tôi. Cũng xin lưu ý mọi thông tin trung thực do Ông/Bà cung cấp không có quan điểm nào là đúng hay sai và tất cả đều rất có giá trị cho nghiên cứu của chúng tôi. Thông tin mà Ông/Bà cung cấp sẽ được tôi sử dụng duy nhất cho mục đích nghiên cứu và sẽ được bảo mật hoàn toàn. Tôi rất mong nhận được sự hợp tác của Ông/Bà.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Ông/Bà !

Ông/Bà cho biết mức độ đồng ý của Ông/Bà đối với các câu hỏi dưới đây?

1 - Rất không hài lòng; 3 - Bình thường, trung lập 5 - Rất hài lòng
2 - Không hài lòng 4 - Hài lòng

Tiêu chí	Mức độ đồng ý				
	5	4	3	2	1
Thực trạng tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế TNDN					
Sự hài lòng với việc tập huấn, đối thoại, cung cấp tài liệu cho doanh nghiệp					
Nội dung truyền thuế TNDN có đa dạng, dễ hiểu					
Chính sách thuế và luật kế toán được phổ biến kịp thời					
Ứng dụng tốt CNTT trong việc tuyên truyền và hỗ trợ NNT					
Thực trạng quản lý việc khai thuế, nộp thuế TNDN					
Thời hạn nộp hồ sơ kê khai thuế là hợp lý					
Biểu mẫu và thủ tục kê khai thuế phù hợp, dễ hiểu					

Phần mềm kê khai thuế qua mạng có chất lượng tốt, dễ sử dụng.					
Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ, hỗ trợ doanh nghiệp của cơ quan thuế đạt yêu cầu.					
Thực trạng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN					
Việc quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN tuân thủ quy định của pháp luật					
Đôn đốc phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong việc quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN					
Chi cục thuế đã có những chính sách, giải pháp để cưỡng chế nợ thuế TNDN hiệu quả					
Thực trạng kiểm tra thuế TNDN					
Việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế không gây ảnh hưởng đến việc SXKD					
Các hình thức thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế đa dạng, phù hợp tình hình thực tiễn					
Những yêu cầu về chứng từ của cơ quan thuế trong quá trình kiểm tra là hợp lý, hợp lệ.					

Trân trọng cảm ơn Ông/Bà!